

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0110445918

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 08 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUY THANH PRODUCTION AND BUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DUY THANH PAB CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Việt Hòa, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982383288

Fax:

Email: longvathanh3399@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ KHUYẾN	Việt Nam	P2204, CC Discovery Complex, 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.200.000.000	60,000	001181008150	

2	LÊ MẠNH DUY	Việt Nam	Thôn Việt Hòa, Xã Văn Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	800.000.000	40,000	001089027 155
---	-------------	----------	--	-------------	--------	------------------

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KHUYẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/10/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001181008150

Ngày cấp: 11/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 51, ngõ 46, đường Nguyễn Hoàng Tôn, Tổ 55, Cụm 9, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P2204, CC Discovery Complex, 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



Đỗ Văn Tình

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
CHI CỤC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1485/2023/ATTP-CNDK

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CHỦ CƠ SỞ : NGUYỄN THỊ KHUYÊN

TÊN CƠ SỞ : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
DUY THÀNH

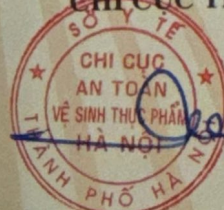
ĐỊA CHỈ : THÔN VIỆT HÒA, XÃ VÂN HÒA, HUYỆN BA VÌ,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
SẢN XUẤT THỰC PHẨM
LOẠI HÌNH NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI VÀ NƯỚC ĐÁ DÙNG LIÊN

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2023. HT

CHI CỤC TRƯỞNG uy



Đặng Thanh Phong

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH
DOANH DUY THÀNH
Số: 01/TBTĐĐCKD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

V/v: Cập nhật địa chỉ Công ty trên đăng kí kinh doanh do thay đổi địa giới hành chính.

Kính gửi: Quý khách hàng, Quý đối tác!

Công ty TNHH Sản Xuất và Kinh Doanh Duy Thành xin cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng và Quý đối tác đã tin tưởng, hợp tác và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Căn cứ theo Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc điều chỉnh địa giới hành chính, địa chỉ đăng kí kinh doanh của Công ty chúng tôi có sự thay đổi như sau:

- Địa chỉ cũ: Thôn Việt Hoà – Xã Vân Hoà – Huyện Ba Vì – Thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ mới: Thôn Việt Hoà – Xã Yên Bài – Thành phố Hà Nội.

Lưu ý: Sự thay đổi liên quan đến địa giới hành chính, không thay đổi vị trí thực tế của trụ sở Công ty, Các thông tin khác như Tên Công ty, Mã số thuế, tài khoản ngân hàng... vẫn giữ nguyên.

Trân trọng được thông báo!

Hà Nội ngày 01 tháng 07 năm 2025



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chi Huyền

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ
Based on the Decree No 74/2018/NĐ-CP dated 15/5/2018 of the Government and the Decree No 13/2022/NĐ-CP dated 21/01/2022 of the Government

CHỨNG NHẬN

Certifying

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH
DUY THANH PRODUCTION AND BUSINESS COMPANY
LIMITED

Địa chỉ **Thôn Việt Hòa, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Address **Nam**

được quyền sử dụng mã số sau đây:
to have right of using the following

Mã doanh nghiệp GS1
GS1 Company Prefix

8938551147

Ngày hết hiệu lực:
Period of validation

24/05/2026

Số giấy chứng nhận: B002235
Registered No
Số đăng ký: 2235/23
Reference No

Hà Nội, 03/11/2023
TUQ. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ ĐÁNH GIÁ
HỢP CHUẨN VÀ HỢP QUY
PP. DIRECTOR GENERAL
DIRECTOR OF CONFORMITY
ASSESSMENT POLICY
DEPARTMENT



Nguyễn Thị Mai Hương



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Số: 559490

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH (VN)

Thôn Việt Hòa, xã Văn Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Số đơn: 4-2023-59270

Ngày nộp đơn: 22/12/2023

Cấp theo Quyết định số: 137850/QĐ-SHTT, ngày: 15/07/2025

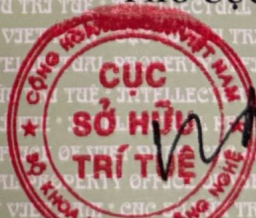
Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn)



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



VN 4-0559490



Nguyễn Văn Bảy



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 59309/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Nước sản xuất
 2. Mã số mẫu: 092514825/DV.1
 3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong chai nhựa, 1 lít/chai. Số lượng: 4.
 NSX: Không có - HSD: Không có.
 4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
 5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
 6. Ngày nhận mẫu: 08/09/2025
 7. Thời gian thử nghiệm: 08/09/2025 - 29/09/2025
 8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH
 Địa chỉ: Thôn Việt Hòa, xã Yên Bài, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 01-1:2024/BYT
9.1*	Coliform tổng số	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.2*	<i>E. coli</i>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.3*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.4*	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.5*	Hàm lượng Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ² -:2023	KPH (LOD: 0,015)	Đạt
9.6*	Hàm lượng Acrylamide	µg/L	NIFC.04.M.081 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1)	Đạt
9.7*	Hàm lượng Epichlorohydrin	µg/L	NIFC.04.M.328 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,1)	Đạt
9.8*	Hàm lượng Formaldehyde	µg/L	NIFC.04.M.082 (Ref. TCVN 7421-1:2004)	KPH (LOD: 100)	Đạt
9.9*	Hàm lượng Pentachlorophenol	µg/L	NIFC.04.M.072 (GC-MS)	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.10*	Hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	NIFC.04.M.068 (HPLC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
 4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)



Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 01-1:2024/BYT
9.11*	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	170	Đạt
9.12*	Hàm lượng Amoni	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ :2023	KPH (LOD: 0,01)	Đạt
9.13*	Hàm lượng Antimon	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.14*	Hàm lượng Arsenic tổng số	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.15*	Hàm lượng Bari	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,090	Đạt
9.16*	Hàm lượng Bor (tính chung cho cả Borat và axit Boric)	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,011	Đạt
9.17*	Hàm lượng Bromat	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.18*	Hàm lượng Cadmi	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.19*	Hàm lượng Chì	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.20*	Hàm lượng Chloride	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	18,6	Đạt
9.21*	Hàm lượng Chromi	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,0051	Đạt
9.22*	Hàm lượng Đồng	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,0015)	Đạt
9.23*	Hàm lượng Fluoride	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	KPH (LOD: 0,08)	Đạt
9.24*	Hàm lượng Kẽm	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	< LOQ (LOQ: 0,005)	Đạt

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
 VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
 NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Đuật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Số theo QCVN 01-1:2024/BYT
9.25*	Hàm lượng Mangan	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,12	Đạt
9.26*	Hàm lượng Monocloramin	mg/L	TCVN 6225-1:2012	KPH (LOD: 0,10)	Đạt
9.27*	Hàm lượng Natri	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	15,7	Đạt
9.28*	Hàm lượng Nhôm	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.29*	Hàm lượng Nickel	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,0097	Đạt
9.30*	Hàm lượng Nitrat	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	32,6	Đạt
9.31*	Hàm lượng Nitrit	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.32*	Hàm lượng Sắt	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	< LOQ (LOQ: 0,005)	Đạt
9.33*	Hàm lượng Seleni	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	< LOQ (LOQ: 0,0005)	Đạt
9.34*	Hàm lượng Sunfat	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	2,70	Đạt
9.35*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.36*	Hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	NIFC.03.M.93 (Ref. TCVN 6053:2021; TCVN 8879:2021; SMEWW 7110B:2023)	KPH (LOD: 0,0046)	Đạt
9.37*	Hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	NIFC.03.M.93 (Ref. TCVN 6053:2021; TCVN 8879:2021; SMEWW 7110B:2023)	KPH (LOD: 0,064)	Đạt

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
 4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)



Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thành Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 01-1:2024/BYT
9.38*	Permanganat	mg/L	NIFC.03.M.30 (Ref. TCVN 6186:1996)	< LOQ (LOQ: 0,45)	Đạt
9.39*	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	NIFC.03.M.42 (Ref. SMEWW 2540-Solid C:2023)	266	Đạt
9.40*	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	0,13	Đạt
9.41*	Hàm lượng 1,1,1 - Tricloroetan	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.42*	Hàm lượng 1,2 - Dibromo - 3 Chloropropane	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.43*	Hàm lượng 1,2 - Dichlorobenzene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.44*	Hàm lượng 1,2 - Dichloroethane	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.45*	Hàm lượng 1,2 - Dichloroethene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.46*	Hàm lượng 1,2 - Dichloropropane	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.47*	Hàm lượng 1,3 - Dichloropropene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.48*	Hàm lượng 2,4 - D	µg/L	NIFC.04.M.027	KPH (LOD: 0,15)	Đạt
9.49*	Hàm lượng 2,4 - DB	µg/L	NIFC.04.M.027	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.50*	Hàm lượng 2,4,6 - Trichlorophenol	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.51*	Hàm lượng Acid monochloroacetic	µg/L	EPA 552.2	KPH (LOD: 0,6)	Đạt
9.52*	Hàm lượng Acid trichloroacetic	µg/L	EPA 552.2	KPH (LOD: 0,6)	Đạt
9.53*	Hàm lượng Alachlor	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 1,0)	Đạt
9.54*	Hàm lượng Aldicarb	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 1,0)	Đạt

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thuận Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 01-1:2024/BYT
9.55*	Hàm lượng Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 10)	Đạt
9.56*	Hàm lượng Benzene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 1,5)	Đạt
9.57*	Hàm lượng Bromodichloromethane	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.58*	Hàm lượng Bromoform	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.59*	Hàm lượng Cacbon tetrachlorua	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.60*	Hàm lượng Carbofuran	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 1,0)	Đạt
9.61*	Hàm lượng Chloroform	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.62*	Hàm lượng Chlorotoluron	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 1,0)	Đạt
9.63*	Hàm lượng Chlorpyrifos	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.64*	Hàm lượng Clodane	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 0,06)	Đạt
9.65*	Hàm lượng Cyanazine	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 0,15)	Đạt
9.66*	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.67*	Hàm lượng Dibromoacetonitrile	µg/L	EPA 551.1	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.68*	Hàm lượng Dibromochloromethane	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.69*	Hàm lượng Dichloroacetic acid	µg/L	EPA 552.2	KPH (LOD: 0,6)	Đạt
9.70*	Hàm lượng Dichloroacetonitrile	µg/L	EPA 551.1	KPH (LOD: 0,3)	Đạt

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
 VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
 NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)



Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duyệt, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Hotline: 085 929 9395 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 01-1:2024/BYT
9.71*	Hàm lượng Dichloromethane	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.72*	Hàm lượng Dichloroprop	µg/L	NIFC.04.M.027	KPH (LOD: 0,03)	Đạt
9.73*	Hàm lượng Ethylbenzene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.74*	Hàm lượng Fenoprop	µg/L	NIFC.04.M.027	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.75*	Hàm lượng Hexachlorobutadiene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 0,1)	Đạt
9.76*	Hàm lượng Hydroxyatrazine	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 1,0)	Đạt
9.77*	Hàm lượng Isoproturon	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 1,0)	Đạt
9.78*	Hàm lượng MCPA	µg/L	NIFC.04.M.027	KPH (LOD: 0,06)	Đạt
9.79*	Hàm lượng Mecoprop	µg/L	NIFC.04.M.027	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.80*	Hàm lượng Methoxychlor	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.81*	Hàm lượng Molinate	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 1,0)	Đạt
9.82*	Hàm lượng Monochlorobenzene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.83*	Hàm lượng Pendimethalin	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 1,0)	Đạt
9.84*	Hàm lượng Permethrin	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.85*	Hàm lượng Propanil	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 1,0)	Đạt
9.86*	Hàm lượng Simazine	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.87*	Hàm lượng Styrene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
- (* Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thôn Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Dông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 01-1:2024/BYT
9.88*	Hàm lượng Tetrachloroethene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.89*	Hàm lượng Toluene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.90*	Hàm lượng Trichloroacetonitrile	µg/L	EPA 551.1	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.91*	Hàm lượng Trichlorobenzene	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.92*	Hàm lượng Trichloroethene	µg/L	EPA 551.1	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.93*	Hàm lượng Trifluralin	µg/L	NIFC.04.M.021	KPH (LOD: 0,3)	Đạt
9.94*	Hàm lượng Vinyl clorua	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 0,1)	Đạt
9.95*	Hàm lượng Xylen	µg/L	EPA 524.2	KPH (LOD: 5,0)	Đạt
9.96*	Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	< LOQ (LOQ: 0,1)	Đạt
9.97*	Hàm lượng Clo dư tự do	mg/L	NIFC.03.M.33 (TCVN 6225-1:2012)	KPH (LOD: 0,10)	Không đánh giá
9.98*	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không đánh giá
9.99*	pH	-	TCVN 6492:2011	7,52	Không đánh giá

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

ThS. Cao Công Khánh

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9395 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 59220/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: Nước đóng chai BAVI SKADI
- Mã số mẫu: 092514826/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong chai nhựa, 1 lít/chai. Số lượng: 4.
NSX: Không có - HSD: Không có
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 08/09/2025
- Thời gian thử nghiệm: 08/09/2025 - 29/09/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH
Địa chỉ: Thôn Việt Hòa, Xã Yên Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 6-1:2010/BYT
9.1*	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	Vi khuẩn /50mL	TCVN 6191-2:1996	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.2*	Coliform tổng số	Vi khuẩn /250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.3*	<i>E. coli</i>	Vi khuẩn /250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	Vi khuẩn /250mL	TCVN 8881:2011	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.5*	<i>Streptococci faecal</i>	Vi khuẩn /250mL	TCVN 6189-2:2009	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.6*	Hàm lượng Cyanid	mg/L	NIFC.04.M.068 (HPLC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.7*	Hàm lượng Arsenic	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.8*	Hàm lượng Bari	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,034	Đạt
9.9*	Hàm lượng Bor	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	< LOQ (LOQ: 0,01)	Đạt
9.10*	Hàm lượng Bromat	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 6-1:2010/BYT
9.11*	Hàm lượng Cadmi	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.12*	Hàm lượng Chì	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,0008	Đạt
9.13*	Hàm lượng Clor	mg/L	NIFC.03.M.33	KPH (LOD: 0,10)	Đạt
9.14*	Hàm lượng Clorat	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.15*	Hàm lượng Clorit	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.16*	Hàm lượng Crom	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	< LOQ (LOQ: 0,001)	Đạt
9.17*	Hàm lượng Đồng	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,0097	Đạt
9.18*	Hàm lượng Florua	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	KPH (LOD: 0,08)	Đạt
9.19*	Hàm lượng Mangan	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,039	Đạt
9.20*	Hàm lượng Molybden	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,0003)	Đạt
9.21*	Hàm lượng Nickel	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,0048	Đạt
9.22*	Hàm lượng Nitrat	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	12,8	Đạt
9.23*	Hàm lượng Nitrit	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.24*	Hàm lượng Seleni	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	< LOQ (LOQ: 0,0005)	Đạt

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

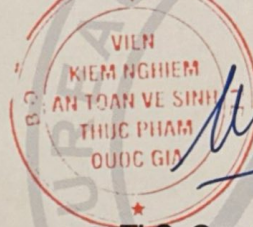
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Số theo QCVN 6-1:2010/BYT
9.25*	Hàm lượng Stibi	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.26*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/L	NIFC.03.M.66 (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt

Ghi chú: LOQ – Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH – Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
- (*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
 Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 60604/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 59219/PKN-VKNQG ngày 29 tháng 09 năm 2025

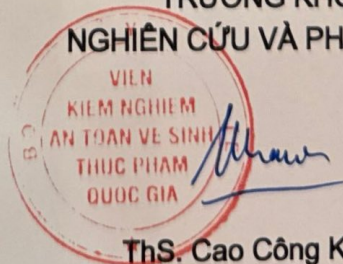
- Tên mẫu: NƯỚC ĐÁ DỪNG LIỀN BAVI SKADI
- Mã số mẫu: 092514828/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong chai nhựa 1 kg/chai, nhiệt độ của mẫu tại thời điểm nhận mẫu là 0 °C. Số lượng: 4. NSX: Không có - HSD: Không có
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 08/09/2025
- Thời gian thử nghiệm: 08/09/2025 - 29/09/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH
Địa chỉ: Thôn Việt Hòa, Xã Yên Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	Vi khuẩn /50g	TCVN 6191-2:1996	KPH (LOD: 1)
9.2*	Coliform tổng số	Vi khuẩn /250g	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)
9.3*	<i>Escherichia coli</i>	Vi khuẩn /250g	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	Vi khuẩn /250g	TCVN 8881:2011	KPH (LOD: 1)
9.5*	<i>Streptococci faecal</i>	Vi khuẩn /250g	TCVN 6189-2:2009	KPH (LOD: 1)
9.6*	Hàm lượng Clo dư	mg/L	NIFC.03.M.33	KPH (LOD: 0,10)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
 Đổi tên mẫu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2025

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

DUY THÀNH

ĐC: Thôn Việt Hòa, Xã Yên Bài,
thành phố Hà Nội

Hotline: **0916 253 399**
0982 383 288



NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI



Nước của bạn, nước của mọi nhà

Thành phần: Nước ngầm tự nhiên đã được xử lý đạt QCVN 01-1:2018/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp
Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, hóa chất và mùi mạnh
Thông tin cảnh báo sản phẩm:
Không sử dụng sản phẩm quá HSD, vẫn đục hoặc không còn nguyên niêm phong.

Ngày SX: Xem trên nắp bình
HSD: 12 tháng kể từ NSX

Thể tích thực:
19 Lít



NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

BAVI SKADI 350 ml

Ngọt ngào và thanh mát

DUY THÀNH
Sản xuất tại
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
ĐC: Thôn Việt Hoà, xã Yên Bài,
thành phố Hà Nội
Hotline: 0916 253 399
0982 383 288

NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

BAVI SKADI 350 ml

Ngọt ngào và thanh mát

BAVI Skadi là nước uống đóng chai được sản xuất trên dây chuyền công nghệ thẩm thấu ngược RO, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.
Thành phần: Nước giếng khoan được xử lý đạt QCVN 06-1:2010/BYT
Ngày SX: In trên thân chai
HSD: 12 tháng kể từ NSX
HSDS: Dùng uống trực tiếp
Thông tin cảnh báo sản phẩm:
Không sử dụng sản phẩm quá HSD, vẫn đục hoặc không còn nguyên niêm phong.

NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

BAVI SKADI 500 ml

Ngọt ngào và thanh mát

DUY THÀNH
Sản xuất tại
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
ĐC: Thôn Việt Hoà, xã Yên Bài,
thành phố Hà Nội
Hotline: 0916 253 399
0982 383 288

NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

BAVI SKADI 500 ml

Ngọt ngào và thanh mát

BAVI Skadi là nước uống đóng chai được sản xuất trên dây chuyền công nghệ thẩm thấu ngược RO, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.
Thành phần: Nước giếng khoan được xử lý đạt QCVN 06-1:2010/BYT
Ngày SX: In trên thân chai
HSD: 12 tháng kể từ NSX
HSDS: Dùng uống trực tiếp
Thông tin cảnh báo sản phẩm:
Không sử dụng sản phẩm quá HSD, vẫn đục hoặc không còn nguyên niêm phong.

kt 4.5*4.5cm
Decal giấy cán màng
SL: 75.000 - 100.000 tem





260.000 mm
240

560.000 mm
335

90

NƯỚC ĐÁ DÙNG LIỀN



Thành phần: Nước ngầm tự nhiên đã được xử lý đạt QCVN 01-1:2018/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt".

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Dùng để pha chế các loại đồ uống
- Bảo quản ở nhiệt độ dưới 0°C

HSD: 3 tháng kể từ ngày sản xuất

NSX: In trên bao bì

Thông tin cảnh báo sản phẩm

- Không sử dụng sản phẩm quá hạn sử dụng



Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH

ĐC: Thôn Việt Hòa, xã Vân Hòa, huyện Ba Vì thành phố Hà Nội



Hotline: 0916 253 399 - 0982 383 288

	Tên công ty - Công ty	Tên và Mã ST-BAR	Đơn vị	Trang	Trang	Trang	Trang	Trang	Trang
	Tên và Mã ST-BAR	Mã màu	2						
<p>Được thành lập tại Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Sản phẩm được phân phối tại các tỉnh thành và các nước trong khu vực Đông Nam Á. Sản phẩm được phân phối tại các tỉnh thành và các nước trong khu vực Đông Nam Á.</p>									

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/DUY THÀNH/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức cá nhân: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH.

Địa chỉ: Thôn Việt Hòa, Xã Vân Hoà, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0916253399

Mã số doanh nghiệp: 0110445918.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện: 1485/2023/ATTP-CNĐK ngày cấp 20/11/2023 nơi cấp Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI BAVI SKADI.

2. Thành phần: nước ngầm tự nhiên đã được xử lý đạt QCVN 01-1:2018/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”.

3. Hạn sử dụng:

- Thời hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất: in trên bao bì.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

- Chất liệu bao bì: Chai nhựa, bình nhựa, nút nhựa chuyên dùng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Thể tích thực/chai: 300ml, 350ml, 500ml, 1 lít, 1,5 lít, 5lít, 7,5lít, 10 lít, 18,9 lít, 19 lít, 20 lít.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: In trên bao bì, tem mác.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (có mẫu nhãn đính kèm)

IV. Yêu cầu về An toàn thực phẩm:

Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Duy Thành sản xuất, kinh doanh sản phẩm nước uống đóng chai BAVI SKADI đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo



quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN 6-1: 2010/ BYT “Quy chuẩn về nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai”.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2024

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/DUY THÀNH/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức cá nhân: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH.

Địa chỉ: Thôn Việt Hòa, Xã Yên Bài, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0916253399

Mã số doanh nghiệp: 0110445918.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện: 1485/2023/ATTP-CNĐK ngày cấp 20/11/2023 nơi cấp Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: NƯỚC ĐÁ DÙNG LIÊN BAVI SKADI.

2. Thành phần: nước ngầm tự nhiên đã được xử lý đạt QCVN 01-1:2018/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt”.

3. Hạn sử dụng:

- Thời hạn sử dụng: 3 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất: in trên bao bì.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

- Chất liệu bao bì: túi nilon chuyên dùng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Khối lượng tịnh/túi: 1 kg, 2 kg, 3 kg, 3 kg, 4 kg, 5 kg, 6 kg, 7 kg, 8 kg, 9 kg, 10 kg.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: In trên bao bì, tem mác.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (có mẫu nhãn đính kèm)

IV. Yêu cầu về An toàn thực phẩm:

Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Duy Thành sản xuất, kinh doanh sản phẩm nước đá dùng liền BAVI SKADI đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo



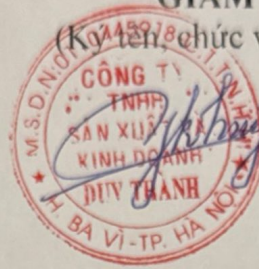
quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN 10:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước đã dùng liền”.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền



**DANH SÁCH NGƯỜI SẢN XUẤT ĐƯỢC TẬP HUẤN
KIẾN THỨC VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM**

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Nam	Nữ	Số căn cước	Ngày cấp	Nơi cấp
1	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	1981		X	001181008150	11/04/2021	Cục Cảnh sát
2	LÊ MẠNH DUY	1989	X		001089027155	0/05/2021	Cục Cảnh sát
3	LÊ BÁ DŨNG	1960	X		038060000097	22/11/2021	Cục Cảnh sát
4	ĐỖ THỊ THU	1982		X	038182042287	10/05/2021	Cục Cảnh sát
5	NGUYỄN THỊ BÌNH	1980		X	001180019550	04/05/2021	Cục Cảnh sát
6	CHU THỊ MINH	1984		X	001184048788	08/01/2025	Cục Cảnh sát
7	VŨ HOÀNG VIỆT	2005	X		00120507470	02/05/2021	Cục Cảnh sát
8	ĐỖ THỊ BÓN	1988		X	001188050010	09/08/2021	Cục Cảnh sát

Hà Nội, Ngày 01 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
CÔNG TY
TNHH
SẢN XUẤT VÀ
KINH DOANH
DUY THÀNH
H. BA VIỆT HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ KHUYÊN

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

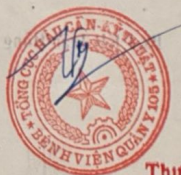
Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

1. Phân loại sức khỏe: 1.0 bệnh lâm sàng di sản (Lúc khám tại cơ sở)

2. Các bệnh, tật (nếu có):

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận).

CHỈ HUY BỆNH VIỆN



Thượng tá
NGÔ TIÊN KIƯƠNG

..... ngày 22 tháng 8 năm 2025

CHỦ NHIỆM KHOA KHÁM BỆNH
NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân
BS CKII. Đinh Thị Kim Ngân

TỔNG CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN QUẢN Y 105

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GKSK-BVQY



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THỊ KHUYẾN
 2. Giới tính: Nam Nữ
 3. Sinh Ngày 15 tháng 10 năm 1981 (tuổi: 44.....)
 4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001181008150.....
 5. Cấp ngày 1.04.2021 Tại Cục CSQLH.C.V. thành Hà Nội
 6. Chỗ ở hiện tại: 302 Cầu Giấy Cầu Giấy Hà Nội

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Làm hồ sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không b) Có ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần		<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt		<input checked="" type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa		<input checked="" type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		<input checked="" type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to		<input checked="" type="checkbox"/>

7	Tăng huyết áp	✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	✓
8	Khó thở	✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	✓
10	Bệnh thận, lọc máu	✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	✓
11	Nhiện rượu, bia	✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....	✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

Không

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Không

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thế Khương
Nguyễn Thế Khương

I. KHÁM THỂ LỰC

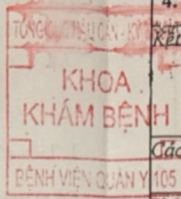
- Chiều cao: 158 cm; - Cân nặng: 60 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 75 lần/phút; - Huyết áp: 120/80 mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	/	<i>Thu</i>
Phân loại		
b) Hô hấp	/	Bs CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại		
c) Tiêu hóa	/	
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu	/	<i>Thu</i>
Phân loại		
đ) Nội tiết	/	<i>Thu</i>
Phân loại		



e) Cơ - xương - khớp	/	<i>Thu</i>
Phân loại		Bs CKII. Đinh Thị Kim Ngân
g) Thần kinh	/	<i>Thu</i>
Phân loại		
h) Tâm thần	/	Bs CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại		
2. Ngoại khoa, Da liễu:	/	<i>Thu</i>
- Ngoại khoa:		Bs CKII. Đinh Thị Kim Ngân
Phân loại:		
- Da liễu:		
Phân loại:		
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực:	Không kính: Mắt phải 10/10. Mắt trái 10/10.	<i>Thu</i>
	Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....	
Các bệnh về mắt (nếu có):	Không	
Phân loại:	Loại I	Bs. Hoàng Quốc Lâm
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		<i>Thu</i>
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	Không	Bs. CKII Trần Hồng Thu
Phân loại:	Loại 2	
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên:	<i>Thu</i>
	Hàm dưới: / bình thường	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	Không	
Phân loại	I	BsCKII: Nguyễn Đăng Xuân

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Ure: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

1. Phân loại sức khỏe: khám lâm sàng đủ sức khỏe lao tập, cấy tế bào

2. Các bệnh, tật (nếu có):

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận).

..... ngày 08 tháng 9 năm 2025

CHỈ HUY BỆNH VIỆN



Thượng tá
ĐỖ HẢI LINH

NGƯỜI KẾT LUẬN
CHỦ NHIỆM KHOA KHÁM BỆNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BS CKII. Đinh Thị Kim Ngân

TỔNG CỤC HẬU CẦN - KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN QUẢN Y 105

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GSKK/01819/.....

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): LÊ MANH DUY
 2. Giới tính: Nam Nữ
 3. Sinh ngày 06 tháng 06 năm 1989 (Tuổi: 37)
 4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/danh CD: 001.099.027.155
 5. Cấp ngày 19/11/2004 Tại CA HN
 6. Chỗ ở hiện tại: SN.136 Phố Việt Hoa và Yên Bái
 T.P. Hồ Nội

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Bảo vệ sức khỏe

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không b) Có ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/dang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần		<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thủng màng		<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt		<input checked="" type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa		<input checked="" type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (bypass, bắc cầu nối, tạo hình lại, thay van, đặt máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		<input checked="" type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to		<input checked="" type="checkbox"/>

CS Được quét bằng CamScanner

7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính			20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....		✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Đặng Duy
Đặng Duy

ngày 8 tháng 9 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đặng Duy
Đặng Duy

TRUNG ƯƠNG
KHOA KHÁM BỆNH
BỆNH VIỆN QUẬN Y

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 175 cm; - Cân nặng: 79 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 79 lần/phút; - Huyết áp: 120/80 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

BSCKII. Đinh Thị Kim Ngân

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn		
Phân loại		
b) Hô hấp		<i>Đặng Duy</i> BSCKII. Trần Ngọc Khoa
Phân loại		
c) Tiêu hóa		
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu		
Phân loại		
e) Nội tiết		
Phân loại		<i>Nguyễn Văn Hội</i> Ths.BS: Nguyễn Văn Hội

e) Cơ - xương - khớp		<i>Đặng Duy</i>
Phân loại		
g) Thần kinh		<i>Đặng Duy</i> BSCKII. Đinh Thị Kim Ngân
Phân loại		
h) Tâm thần		<i>Đặng Duy</i> BSCKII. Trần Ngọc Khoa
Phân loại		
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa: <i>Đặng Duy</i>		<i>Đặng Duy</i> BS. Đỗ Thanh Hoàn
Phân loại: I		
- Da liễu:		
Phân loại:		<i>Đặng Duy</i> Ths.BS: Nguyễn Văn Hội
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/100... Mắt trái 10/100		
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
Các bệnh về mắt (nếu có):	<i>Bệnh thị giác</i>	<i>Đặng Duy</i> BS. Hoàng Quốc Lâm
Phân loại:	<i>Loại I</i>	
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	<i>Chức năng bình thường</i>	<i>Đặng Duy</i> BSCKII. Đào Quang Dũng
Phân loại:	I	
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên: Hàm dưới: <i>Bình thường</i>	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	<i>Chức năng bình thường</i>	<i>Đặng Duy</i> Nguyễn Thị Thu Hương
Phân loại	I	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ/Trưởng bộ phận
1. Xét nghiệm ma túy (Xét nghiệm sàng lọc và định tính các loại ma túy theo quy định của Bộ Y tế: Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin) Kết quả: Amphetamin Marijuana Morphin Codein Heroin	 BS. Nguyễn Văn Trường
2. Các xét nghiệm chỉ thực hiện khi có chỉ định của bác sĩ khám sức khỏe: Xét nghiệm nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở/huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác (điện não đồ, điện tim...) a) Kết quả:	
b) Kết luận:	
.....	
.....	

IV. KẾT LUẬN:

Đề sức khỏe lái xe ô tô hạng C, D, E.

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận)

CHỈ HUY BỆNH VIỆN



Thượng tá
ĐỖ HẢI LINH

ngày 11 tháng 05 năm 2025
NGƯỜI KẾT LUẬN
CHỦ NHIỆM KHOA KHÁM BỆNH

BS CKI. Đinh Thị Kim Ngân

Số: 02014/GKSKLX/01819/25...

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE
CỦA NGƯỜI LÁI XE, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



- Họ và tên (viết chữ in hoa): ... LÊ BÁ DŨNG
- Giới tính: Nam Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/04/1960
- Số CCCD/Hộ chiếu/Định danh công dân: 03806000097
- Cấp ngày: 22/11/2021. Tại: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội
- Chỗ ở hiện tại: TP. Hà Nội, Việt Nam
- Đề nghị khám sức khỏe để lái xe hạng: B, C, D, E

Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD/CC gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kê khai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không cần ghi mục 2, mục 5, mục 6

I. TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ; b) Có

Nếu "có" đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử, bệnh sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không (Bác sĩ hỏi bệnh và đánh dấu X vào ô tương ứng)

	Có/Không		Có/Không
Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	<input checked="" type="checkbox"/>	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	<input checked="" type="checkbox"/>
Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	<input checked="" type="checkbox"/>	Bệnh tâm thần	<input checked="" type="checkbox"/>
Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	<input checked="" type="checkbox"/>	Mất ý thức, rối loạn ý thức	<input checked="" type="checkbox"/>
Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	<input checked="" type="checkbox"/>	Ngất, chóng mặt, mệt mỏi, buồn ngủ hoặc ngất xỉu	<input checked="" type="checkbox"/>
Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	<input checked="" type="checkbox"/>	Bệnh tiêu hóa	<input checked="" type="checkbox"/>

Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	✓	Rối loạn giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	✓
Tăng huyết áp	✓	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	✓
Khó thở	✓	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	✓
Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	✓	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	✓
Bệnh thận, lọc máu	✓	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	✓

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh: lơ

3. Câu hỏi khác (nếu có):

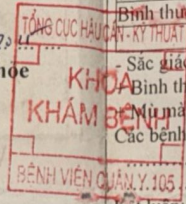
Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng: lơ

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....ngày 11 tháng 4 năm 20

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đỗ Duy
Đỗ Duy



II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Tâm thần:	<u>Đỗ Duy</u>
Kết luận: <u>không</u>	
2. Thần kinh:	<u>Đỗ Duy</u> Hương Quốc Lâm
Kết luận: <u>không</u>	
3. Mắt: - Thị lực nhìn xa từng mắt: + Không kính: Mắt phải: <u>10/10</u> Mắt trái: <u>10/10</u> + Có kính: Mắt phải: Mắt trái: - Thị lực nhìn xa hai mắt: Không kính: <u>10/10</u> Có kính: - Thị trường: Thị trường ngang hai mắt (chiều mũi - thái dương) Thị trường đứng (chiều trên-dưới) Bình thường Hạn chế Bình thường Hạn chế	
- Sắc giác - Bình thường <input checked="" type="checkbox"/> - Mùi máu toàn bộ <input type="checkbox"/> - Đỏ <input type="checkbox"/> - Xanh lá cây <input type="checkbox"/> - Vàng <input type="checkbox"/> Các bệnh về mắt (nếu có): <u>không</u>	<u>Đỗ Duy</u> Hương Quốc Lâm
Kết luận: <u>không</u>	
4. Tai-Mũi-Họng - Kết quả khám thính lực (có thể sử dụng máy trợ thính) + Tai trái: Nói thường: <u>4</u> m; Nói thầm: <u>0,4</u> m + Tai phải: Nói thường: <u>4</u> m; Nói thầm: <u>0,4</u> m - Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): <u>không</u>	<u>Đỗ Duy</u> BSCKI. Đào Quang Dũng
Kết luận: <u>không</u>	
5. Tim mạch: + Mạch: <u>70</u> lần/phút + Huyết áp: <u>120</u> mmHg	<u>Đỗ Duy</u> BSCKI. Đào Quang Dũng
Kết luận: <u>không</u>	
6. Hô hấp:	<u>Đỗ Duy</u> BSCKI. Đào Quang Dũng
Kết luận: <u>không</u>	
7. Cơ Xương Khớp:	<u>Đỗ Duy</u> BSCKI. Đào Quang Dũng
Kết luận: <u>không</u>	
8. Nội tiết:	<u>Đỗ Duy</u> BSCKI. Đào Quang Dũng
Kết luận: <u>không</u>	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

1. Phân loại sức khỏe: Khỏe làm công chức hưu (Chơi lưu lạc, ứng tuyển)

2. Các bệnh, tật (nếu có):

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận).
 ngày 26 tháng 8 năm 2025

CHỈ HUY BỆNH VIỆN

 Thượng tá
ĐỖ HẢI LINH

NGƯỜI KẾT LUẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

 BS CKII. Đinh Thị Kim Ngân

TỔNG CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT
 BỆNH VIỆN QUÂN Y 105

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GKSK-BVQY



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

- Họ và tên (viết chữ in hoa): ĐỖ THỊ THU
- Giới tính: Nam Nữ
- Sinh Ngày 05 tháng 1 năm 1980 Tuổi: 43
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 038182042287
- Cấp ngày 10/5/2021 Tại: Cục Cảnh Sát
- Chỗ ở hiện tại: Khu Mương Phú Vương Yên Bái Hà Nội

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân
 7. Lý do khám sức khỏe: Chơi lưu lạc

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không b) Có ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần		<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt		<input checked="" type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa		<input checked="" type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		<input checked="" type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to		<input checked="" type="checkbox"/>

7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....		✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....¹⁰.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....¹⁰.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây ngày 26 tháng 8 năm 2025

hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết

của tôi. ^{Ph' xin 10' xét nghiệm}

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đinh Thị Kim Ngân
Đinh Thị Kim Ngân

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 151 cm; - Cân nặng: 57 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 74 lần/phút; - Huyết áp: 120/80 mmHg

Phân loại thể lực:

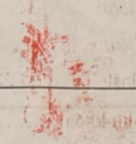


II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn		<i>Đinh Thị Kim Ngân</i> Bs CKII. Đinh Thị Kim Ngân
Phân loại		
b) Hô hấp		<i>Nguyễn Thị Thu Hồng</i> Bs CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại		
c) Tiêu hóa		<i>Trần Ngọc Khoa</i> BSCKI. Trần Ngọc Khoa
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu		<i>Trần Ngọc Khoa</i> BSCKI. Trần Ngọc Khoa
Phân loại		
đ) Nội tiết		<i>Trần Ngọc Khoa</i> BSCKI. Trần Ngọc Khoa
Phân loại		

e) Cơ - xương - khớp		<i>Đinh Thị Kim Ngân</i> BSCKII. Đinh Thị Kim Ngân
Phân loại		
g) Thần kinh		<i>Đinh Thị Kim Ngân</i> BSCKII. Đinh Thị Kim Ngân
Phân loại		
h) Tâm thần		Bs CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại		
2. Ngoại khoa, Da liễu:		<i>Đinh Thị Kim Ngân</i> BSCKII. Đinh Thị Kim Ngân
- Ngoại khoa:		
Phân loại:		
- Da liễu:		<i>Trần Ngọc Khoa</i> BSCKI. Trần Ngọc Khoa
Phân loại:		
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực:	Không kính: Mắt phải 10/10, Mắt trái 10/10	<i>Hoàng Quốc Lâm</i> BS. Hoàng Quốc Lâm
	Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....	
Các bệnh về mắt (nếu có):		
Phân loại:		
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		<i>Trần Hồng Thu</i> Bs. CKII Trần Hồng Thu
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		
Phân loại:		
6. Răng - Hàm - Mặt		<i>Nguyễn Đình Xuân</i> BSCKII: Nguyễn Đình Xuân
Kết quả khám:	Hàm trên:..... Hàm dưới:.....	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
Phân loại:		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

1. Phân loại sức khỏe: khám lâm sàng chủ yếu (khoa khám tổng công tác)

2. Các bệnh, tật (nếu có):

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận).

..... ngày 14 tháng 8 năm 2025

CHỈ HUY BỆNH VIỆN

Thượng tá
ĐỖ HẢI LINH

NGƯỜI KẾT LUẬN
CHỦ NHIỆM KHOA KHÁM BỆNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BS CKII. Đinh Thị Kim Ngân

TỔNG CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN QUẢN Y 105

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GKSK-BVQY



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

- Họ và tên (viết chữ in hoa): Nguyễn Thị Bình
- Giới tính: Nam Nữ
- Sinh Ngày 10 tháng 8 năm 1980 Tuổi: 45
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 00.118.00.195.50
- Cấp ngày 4.1.5.1202 tại Công Cảnh Đất
- Chỗ ở hiện tại: Đa Cường - Yên Bái - TP. Hồ Chí Minh

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Bộ dụng cụ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không b) Có ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần		<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác		<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt		<input checked="" type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa		<input checked="" type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		<input checked="" type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		<input checked="" type="checkbox"/>

7	Tăng huyết áp	✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	✓
8	Khó thở	✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	✓
10	Bệnh thận, lọc máu	✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	✓
11	Nghiện rượu, bia	✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....	✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Bình
Nguyễn Thị Bình

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 150 cm; - Cân nặng: 45 kg; - Chi số BMI:

- Mạch: 88 lần/phút; - Huyết áp: 120/80 mmHg

Phân loại thể lực:

Bs CKII. Đinh Thị Kim Ngân

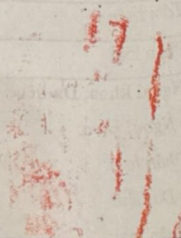
II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn		
Phân loại		
b) Hô hấp		Bs CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại		
c) Tiêu hóa		
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu		
Phân loại		
d) Nội tiết		Bs CKI. Trần Ngọc Khoa
Phân loại		



e) Cơ - xương - khớp		
Phân loại		
g) Thần kinh		Bs CKI. Đinh Thị Kim Ngân
Phân loại		
h) Tâm thần		Bs CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại		
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa:		
Phân loại:		Bs CKII. Đinh Thị Kim Ngân
- Da liễu:		
Phân loại:		Bs CKI. Trần Ngọc Khoa
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực:	Không kính: Mắt phải 10/10, Mắt trái 10/10	
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
Các bệnh về mắt (nếu có):		
Phân loại:		Bs. Hoàng Quốc Lâm
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		Bs. CKII Trần Hồng Thu
Phân loại:		
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên:	
	Hàm dưới:	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
Phân loại:		Bs CKII: Nguyễn Đăng Xuân

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

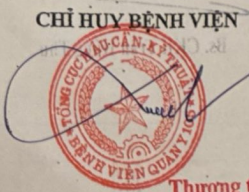
Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sĩ Chuyên khoa
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

1. Phân loại sức khỏe: Khám lâm sàng từ khi chào đời, ở tuổi

2. Các bệnh, tật (nếu có):

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận).

..... ngày 26 tháng 8 năm 2025



Thượng tá
ĐỖ HẢI LINH

NGƯỜI KẾT LUẬN
CHỦ NHIỆM KHOA KHÁM BỆNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[Signature]

BS CKII. Đinh Thị Kim Ngân

TỔNG CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN QUẢN Y 105

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GKSK-BVQY

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): Chu Thị Minh
 2. Giới tính: Nam Nữ
 3. Sinh Ngày 21 tháng 1 năm 1984 Tuổi: 41
 4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001184048788
 5. Cấp ngày 8.1.2025 tại H. Lạc Hải Sơn
 6. Chỗ ở hiện tại: Đa Cường - Yên Bái - TP. Hà Nội

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân
 7. Lý do khám sức khỏe: Bị xmg khi đi

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không b) Có ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần		<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính bằng		<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt		<input checked="" type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa		<input checked="" type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		<input checked="" type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		<input checked="" type="checkbox"/>

7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....		✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi. *tôi không xét nghiệm*

ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Minh
Chu Thị Minh

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 150 cm; - Cân nặng: 50 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 72 lần/phút; - Huyết áp: 110/70 mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

BS CKII. *Dinh Thị Kim Ngân*



Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) <i>Tuần hoàn</i>		
Phân loại		
b) <i>Hô hấp</i>		Bs CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại		
c) <i>Tiêu hóa</i>		
Phân loại		
d) <i>Thận-Tiết niệu</i>		
Phân loại		
đ) <i>Nội tiết</i>		Bs CKI. Trần Ngọc Khoa
Phân loại		

e) <i>Cơ - xương - khớp</i>		
Phân loại		
g) <i>Thần kinh</i>		BS CKII. <i>Dinh Thị Kim Ngân</i>
Phân loại		
h) <i>Tâm thần</i>		Bs CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại		
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa:		BS CKII. <i>Dinh Thị Kim Ngân</i>
Phân loại:		
- Da liễu:		Bs CKI. <i>Trần Ngọc Khoa</i>
Phân loại:		
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực:	Không kính: Mắt phải 10/10, Mắt trái 10/10.	
	Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....	
Các bệnh về mắt (nếu có):		BS. Hoàng Quốc Lâm
Phân loại:		
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		Bs. CKII Trần Hồng Thu
Phân loại:		
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên: <i>1 bình thức</i>	
	Hàm dưới: <i>1 bình thức</i>	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
Phân loại		Bs CKII: Nguyễn Đăng Xuân

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

1. Phân loại sức khỏe: Khác gần sàng tử hủi (chưa ăn, uống, đờ đẫn)

2. Các bệnh, tật (nếu có):

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận).

..... ngày 2 tháng 8 năm 2025

CHỈ HUY BỆNH VIỆN



Thượng tá
ĐỖ HẢI LINH

NGƯỜI KẾT LUẬN
CHỦ NHIỆM KHOA KHÁM BỆNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BS CKII. Đinh Thị Kim Ngân

TỔNG CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN QUẢN Y 105

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/GKSK-BVQY



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

- Họ và tên (viết chữ in hoa): Vũ Hoàng Việt
- Giới tính: Nam Nữ
- Sinh Ngày 01 tháng 04 năm 2005 (Tuổi: 20)
- Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001205057470
- Cấp ngày: 21.5.2021 Tại: Lục Cảnh Sát Q.4 HC TTXT
- Chỗ ở hiện tại: Hát Giang - Suối Hải - Bà Vì - Hà Nội

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3)

Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Bộ' Sung Ho' Sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không b) Có ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần		<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác		<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt		<input checked="" type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa		<input checked="" type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		<input checked="" type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		<input checked="" type="checkbox"/>

7	Tăng huyết áp	✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	✓
8	Khó thở	✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	✓
10	Bệnh thận, lọc máu	✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	✓
11	Nghiện rượu, bia	✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....	✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi. *Tôi xin không xét nghiệm*

ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Vũ Hoàng Việt

I. KHÁM THỂ LỰC

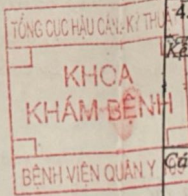
- Chiều cao: 167 cm; - Cân nặng: 80 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 70 lần/phút; - Huyết áp: 110/75 mmHg

Phân loại thể lực:


II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		BSCKII <i>Dinh Thị Kim Ngân</i> Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa	
1. Nội khoa			
a) <i>Tuần hoàn</i>			
Phân loại			
b) <i>Hô hấp</i>			
Phân loại			BS CKII. Nguyễn Thị Thu Hồng
c) <i>Tiêu hóa</i>			
Phân loại			
d) <i>Thận-Tiết niệu</i>			
Phân loại			
đ) <i>Nội tiết</i>			
Phân loại			BSCKI. Trần Ngọc Khoa



e) <i>Cơ - xương - khớp</i>			
Phân loại			
g) <i>Thần kinh</i>			BSCKII. <i>Dinh Thị Kim Ngân</i>
Phân loại			
h) <i>Tâm thần</i>			BS CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại			
2. Ngoại khoa, Da liễu:			
- Ngoại khoa:			
Phân loại:			BSCKII. <i>Dinh Thị Kim Ngân</i>
- Da liễu:			
Phân loại:			BSCKI. Trần Ngọc Khoa
3. Sản phụ khoa:			
Phân loại:			
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực:	Không kính: Mắt phải 10/10, Mắt trái 10/10		
	Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
Các bệnh về mắt (nếu có):			
Phân loại:			BS. Hoàng Quốc Lâm
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
Phân loại:			BS. CKII. Trần Hồng Thu
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám:	Hàm trên:..... Hàm dưới:.....		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			
Phân loại:			BSCKI. Nguyễn Đình Tuấn

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa
<p>1. Xét nghiệm máu:</p> <p>a) Công thức máu:</p> <p>Số lượng HC:</p> <p>Số lượng Bạch cầu:</p> <p>Số lượng tiểu cầu:</p> <p>b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê:</p> <p>Creatinin: ASAT(GOT):</p> <p>ALAT (GPT):</p>	
<p>2. Xét nghiệm nước tiểu:</p> <p>a) Đường:</p> <p>b) Protein:</p> <p>c) Khác (nếu có):</p>	
<p>3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

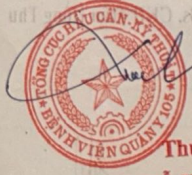
1. Phân loại sức khỏe: Khám lâm sàng chủ yếu (chức năng tạng cơ thể)

2. Các bệnh, tật (nếu có):

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận).

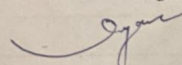
..... ngày 26 tháng 8 năm 2025

CHỈ HUY BỆNH VIỆN



Thượng tá
ĐỖ HẢI LINH

NGƯỜI KẾT LUẬN
CHỦ NHIỆM KHOA KHÁM BỆNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


BS CKII. Đinh Thị Kim Ngân

TỔNG CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN QUÂN Y 105

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GSKK-BVQY

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): Đỗ Thị Bản

2. Giới tính: Nam Nữ

3. Sinh Ngày 2 tháng 5 năm 1988 Tuổi: 36

4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001188050010

5. Cấp ngày 9.1.8.12021 Tại Cục Cảnh Sát

6. Chỗ ở hiện tại: Mường Phơi Vàng - Yên Bái

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Bổ sung hồ sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không b) Có ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần		<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác		<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt		<input type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa		<input checked="" type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)		<input checked="" type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to		<input type="checkbox"/>

7	Tăng huyết áp	✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	✓
8	Khó thở	✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	✓
10	Bệnh thận, lọc máu	✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	✓
11	Nghiện rượu, bia	✓	22	Bệnh khác (ghi rõ).....	✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi. *tôi không xét nghiệm*

..... ngày *26* tháng *8* năm *2025*

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Bôn
Đỗ Thu Bôn

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: *165* cm; - Cân nặng: *50* kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: *72* lần/phút; - Huyết áp: *110/70* mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

BS CKII *Dinh Thị Kim Ngân*



Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ Chuyên khoa	
1. Nội khoa			
a) Tuần hoàn			
Phân loại			<i>HN</i>
b) Hô hấp		<i>HN</i>	Bs CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại			
c) Tiêu hóa			
Phân loại			
d) Thận-Tiết niệu			
Phân loại			<i>HN</i>
đ) Nội tiết			Bs CKI. Trần Ngọc Khoa
Phân loại			

e) Cơ - xương - khớp		<i>HN</i>	<i>HN</i>
Phân loại			BS CKII: <i>Dinh Thị Kim Ngân</i>
g) Thần kinh			
Phân loại			<i>HN</i>
h) Tâm thần		<i>HN</i>	Bs CKI. Nguyễn Thị Thu Hồng
Phân loại			
2. Ngoại khoa, Da liễu:			
- Ngoại khoa:		<i>HN</i>	<i>HN</i>
Phân loại:			BS CKII: <i>Dinh Thị Kim Ngân</i>
- Da liễu:		<i>HN</i>	<i>HN</i>
Phân loại:			Bs CKI. Trần Ngọc Khoa
3. Sản phụ khoa:			
Phân loại:			
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực:	Không kính: Mắt phải <i>10/20</i> , Mắt trái <i>10/20</i>		
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có):	<i>không</i>		<i>HN</i>
Phân loại:			Bs. Hoàng Quốc Lâm
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m	<i>15</i>	<i>10/15</i>	
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m	<i>15</i>	<i>10/15</i>	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	<i>không</i>		
Phân loại:			<i>HN</i>
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám:	Hàm trên:		
	Hàm dưới: <i>không</i>		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	<i>không</i>		
Phân loại:	<i>I</i>		Bs CKII: Nguyễn Đăng Xuân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 128/HĐNT

- Căn cứ vào Luật Thương mại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu mua bán của hai bên;

Hôm nay, ngày 12 tháng 08 năm 2023, chúng tôi gồm:

Bên bán (Bên A) : CÔNG TY TNHH AN QUANG HƯNG

Địa chỉ: Lô số 1 - Cụm CN Thọ Xương - P.Thọ Xương- TP Bắc Giang –
T. Bắc Giang

Số tài khoản : 4311 0000 203 299 Tại NH : BIDV - CN Bắc Giang

Mã số Thuế : 2400607226

Do Ông: **Đỗ Tất Thắng**

Chức vụ : Giám đốc làm đại diện

**Bên mua (Bên B): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
DUY THÀNH**

Địa chỉ: Thôn Việt Hoà, Xã Vân Hoà, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Mã số Thuế: 0110445918

Số tài khoản :

Do Bà: **Nguyễn Thị Khuyên**

Chức vụ : Giám đốc làm đại diện

Hai bên cùng thoả thuận ký hợp đồng với các điều khoản sau đây :

Điều 1: Hàng hóa, giá tiền

Bên A đồng ý cung ứng sản phẩm vỏ bình 5GL thương hiệu: AN QUANG HUNG PET RETURNABLE BOTTLE 5 GALLON, chai 1.000 ml, 500ml, chai 300ml, túi bóng đựng đá và phụ kiện vỏ bình : nắp bình, van bình, màng co,..... cho Bên B

Giá cả theo thoả thuận của hai bên. Khi có thay đổi về giá bên A sẽ thông báo cho bên B biết bằng văn bản trước 07 ngày.(có báo giá kèm theo)

Điều 2: Phương thức giao nhận hàng hoá và đặt mua hàng

2.1. Đặt mua hàng:

Bên B đặt mua hàng bằng fax hoặc gọi điện trực tiếp đến phòng kinh doanh của Công ty (ĐT: 0240 6286 155 fax: 0240 3827 759)

Công ty sẽ kiểm tra đơn hàng, số lượng đặt mua và sẽ thông báo lại cho bên B số lượng chủng loại hàng hoá mà bên A sẽ giao cho bên B.

2.2. Giao hàng:

Bên B phải cử người đại diện hợp pháp ký nhận vào sổ sách chứng từ khi nhận hàng của bên A

Bên A hoặc người đại diện của bên A sẽ giao hàng cho bên B đúng địa chỉ kho hàng đã được thỏa thuận với bên B

Chi phí bốc xếp mỗi bên chịu một đầu

Bên A sẽ thông báo thời gian giao hàng khi nhận được đơn đặt hàng của bên B. Khi hai bên đã xác nhận đơn hàng và chủng loại hàng hoá. Trong trường hợp bất khả kháng bên A sẽ thông báo lại và sắp xếp lịch giao hàng nhanh chóng và phù hợp nhất cho bên B

- Sau khi nhận hàng xong, bên B phải kiểm tra hàng hoá và thông báo lại ngay cho bên A bằng văn bản về bất kỳ việc giao hàng thiếu, sản phẩm bị hư hỏng, hoặc khiếm khuyết gây ra khi giao hàng. Và cung cấp cho bên A các chứng từ làm cơ sở cho việc thông báo đó.

Điều 3: Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của các bên

3.1. Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên A

Bên A cung cấp cho bên B một bộ hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm dựa trên cơ sở nghiên cứu tiêu chuẩn của tổng cục đo lường tiêu chuẩn Việt Nam áp dụng cho vỏ bình 5 GL

Bên A cứ 06 tháng một lần sẽ cung cấp cho bên B một phiếu xét nghiệm kiểm tra về chất lượng của sản phẩm

3.2. Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên B

Bên B phải chuẩn bị kho để hàng khi nhận hàng của bên A. Kho hàng phải sạch sẽ và không được để hàng hoá tiếp xúc trực tiếp với hoá chất gây hại.

Bên B đồng ý giữ bí mật nội dung hợp đồng và các phụ lục, các công văn thông báo không được tiết lộ cho bên thứ ba. Ngoại trừ yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 4: Phương thức thanh toán

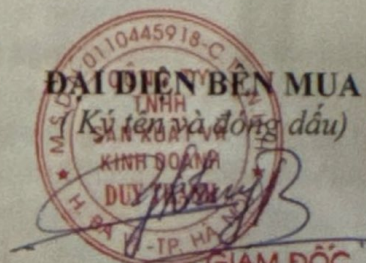
Bên B thanh toán tiền hàng cho bên A sau khi nhận đủ hàng và hóa đơn giá trị gia tăng bằng chuyển khoản.

Điều 5: Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, có gì vướng mắc hai bên gặp nhau để bàn bạc giải quyết.

Nếu bên nào thực hiện sai các điều khoản đã ghi trong hợp đồng thì bên đó phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2023. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau, có hiệu lực từ ngày ký.


Giám Đốc
Nguyễn Chi Huyền


Giám Đốc
Đỗ Cát Hằng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 158/HĐNT

- Căn cứ vào Luật Thương mại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu mua bán của hai bên;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, chúng tôi gồm:

Bên bán (Bên A) : CÔNG TY TNHH AN QUANG HƯNG

Địa chỉ: Lô số 1 - Cụm CN Thọ Xương - P. Thọ Xương- TP Bắc Giang – T. Bắc Giang

Số tài khoản : 4311 0000 203 299 Tại NH : BIDV - CN Bắc Giang

Mã số Thuế : 2400607226

Do Ông: **Đỗ Tất Thắng** Chức vụ : Giám đốc làm đại diện

Bên mua(Bên B): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH

Địa chỉ: Thôn Việt Hoà, Xã Vân Hoà, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số Thuế: 0110445918

Số tài khoản :

Do Bà: **Nguyễn Thị Khuyên** Chức vụ : Giám đốc làm đại diện

Hai bên cùng thoả thuận ký hợp đồng với các điều khoản sau đây :

Điều 1:Hàng hóa, giá tiền

Bên A đồng ý cung ứng sản phẩm vỏ bình 5GL thương hiệu: AN QUANG HUNG PET RETURNABLE BOTTLE 5 GALLON,chai 1.000 ml, 500ml, chai 300ml, túi bóng đựng đá và phụ kiện vỏ bình : nắp bình, van bình, màng co,..... cho Bên B

Giá cả theo thoả thuận của hai bên. Khi có thay đổi về giá bên A sẽ thông báo cho bên B biết bằng văn bản trước 07 ngày.(có báo giá kèm theo)

Điều 2:Phương thức giao nhận hàng hoá và đặt mua hàng

2.1. Đặt mua hàng:

Bên B đặt mua hàng bằng fax hoặc gọi điện trực tiếp đến phòng kinh doanh của Công ty (ĐT: 0240 6286 155 fax: 0240 3827 759)

Công ty sẽ kiểm tra đơn hàng, số lượng đặt mua và sẽ thông báo lại cho bên B số lượng chủng loại hàng hoá mà bên A sẽ giao cho bên B.

2.2. Giao hàng:

Bên B phải cử người đại diện hợp pháp ký nhận vào sổ sách chứng từ khi nhận hàng của bên A

Bên A hoặc người đại diện của bên A sẽ giao hàng cho bên B đúng địa chỉ kho hàng đã được thỏa thuận với bên B

Chi phí bốc xếp mỗi bên chịu một đầu

Bên A sẽ thông báo thời gian giao hàng khi nhận được đơn đặt hàng của bên B. Khi hai bên đã xác nhận đơn hàng và chủng loại hàng hoá. Trong trường hợp bất khả kháng bên A sẽ thông báo lại và sắp xếp lịch giao hàng nhanh chóng và phù hợp nhất cho bên B

- Sau khi nhận hàng xong, bên B phải kiểm tra hàng hoá và thông báo lại ngay cho bên A bằng văn bản về bất kỳ việc giao hàng thiếu, sản phẩm bị hư hỏng, hoặc khiếm khuyết gây ra khi giao hàng. Và cung cấp cho bên A các chứng từ làm cơ sở cho việc thông báo đó.

Điều 3: Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của các bên

3.1. Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên A

Bên A cung cấp cho bên B một bộ hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm dựa trên cơ sở nghiên cứu tiêu chuẩn của tổng cục đo lường tiêu chuẩn Việt Nam áp dụng cho vỏ bình 5 GL

Bên A cứ 06 tháng một lần sẽ cung cấp cho bên B một phiếu xét nghiệm kiểm tra về chất lượng của sản phẩm

3.2. Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên B

Bên B phải chuẩn bị kho để hàng khi nhận hàng của bên A. Kho hàng phải sạch sẽ và không được để hàng hoá tiếp xúc trực tiếp với hoá chất gây hại.

Bên B đồng ý giữ bí mật nội dung hợp đồng và các phụ lục, các công văn thông báo không được tiết lộ cho bên thứ ba. Ngoại trừ yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 4: Phương thức thanh toán

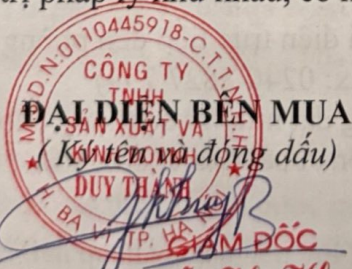
Bên B thanh toán tiền hàng cho bên A sau khi nhận đủ hàng và hóa đơn giá trị gia tăng bằng chuyển khoản.

Điều 5: Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, có gì vướng mắc hai bên gặp nhau để bàn bạc giải quyết.

Nếu bên nào thực hiện sai các điều khoản đã ghi trong hợp đồng thì bên đó phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024 và sau khi hết hạn hợp đồng nếu 2 bên không có tranh chấp gì thì hợp đồng sẽ tự gia hạn năm tiếp theo. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau, có hiệu lực từ ngày ký.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 0207/HDNT

- Căn cứ vào Luật Thương mại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu mua bán của hai bên;

Hôm nay, ngày 02 tháng 07 năm 2025, chúng tôi gồm:

Bên bán (Bên A) : CÔNG TY TNHH AN QUANG HƯNG

Địa chỉ: Lô số 1 - Cụm CN Thọ Xương - P. Thọ Xương- TP Bắc Giang – T. Bắc Giang

Điện thoại : (0240) 3 524 155 Fax: (0240) 3 827 759

Số tài khoản : 4310 203 299 Tại NH : BIDV - CN Bắc Giang

Mã số Thuế : 2400607226

Do Ông: **Đỗ Tất Thắng** Chức vụ : Giám đốc làm đại diện

Bên mua(Bên B): Công ty TNHH Sản Xuất và Kinh Doanh Duy Thành

Địa chỉ: Thôn Việt Hoà - Xã Yên Bài - Hà Nội

Mã số Thuế : 0110445918

Do Bà : **Nguyễn Thị Khuyên** Chức vụ : Giám đốc làm đại diện

Hai bên cùng thoả thuận ký hợp đồng với các điều khoản sau đây :

Điều 1: Hàng hóa, giá tiền

Bên A đồng ý cung ứng sản phẩm vỏ bình 5GL thương hiệu: AN QUANG HUNG PET RETURNABLE BOTTLE 5 GALLON, chai 1.000 ml, 400ml, chai 300ml, túi bóng đựng đá và phụ kiện vỏ bình : nắp bình, van bình, màng co,..... cho Bên B

Giá cả theo thoả thuận của hai bên. Khi có thay đổi về giá bên A sẽ thông báo cho bên B biết bằng văn bản trước 07 ngày.

Điều 2: Phương thức giao nhận hàng hoá và đặt mua hàng

2.1. Đặt mua hàng:

Bên B đặt mua hàng bằng fax hoặc gọi điện trực tiếp đến phòng kinh doanh của Công ty (ĐT: 0240 6286 155 fax: 0240 3827 759)

Công ty sẽ kiểm tra đơn hàng, số lượng đặt mua và sẽ thông báo lại cho bên B số lượng chủng loại hàng hoá mà bên A sẽ giao cho bên B.

2.2. Giao hàng:

Bên B phải cử người đại diện hợp pháp ký nhận vào sổ sách chứng từ khi nhận hàng của bên A

Bên A hoặc người đại diện của bên A sẽ giao hàng cho bên B đúng địa chỉ kho hàng đã được thỏa thuận với bên B

Chi phí bốc xếp mỗi bên chịu một đầu

Bên A sẽ thông báo thời gian giao hàng khi nhận được đơn đặt hàng của bên B. Khi hai bên đã xác nhận đơn hàng và chủng loại hàng hoá. Trong trường hợp bất khả kháng bên A sẽ thông báo lại và sắp xếp lịch giao hàng nhanh chóng và phù hợp nhất cho bên B

- Sau khi nhận hàng xong, bên B phải kiểm tra hàng hoá và thông báo lại ngay cho bên A bằng văn bản về bất kỳ việc giao hàng thiếu, sản phẩm bị hư hỏng, hoặc khiếm khuyết gây ra khi giao hàng. Và cung cấp cho bên A các chứng từ làm cơ sở cho việc thông báo đó.

Điều 3: Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của các bên

3.1. Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên A

Bên A cung cấp cho bên B một bộ hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm dựa trên cơ sở nghiên cứu tiêu chuẩn của tổng cục đo lường tiêu chuẩn Việt Nam áp dụng cho vỏ bình 5 GL

Bên A cứ 06 tháng một lần sẽ cung cấp cho bên B một phiếu xét nghiệm kiểm tra về chất lượng của sản phẩm

3.2. Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên B

Bên B phải chuẩn bị kho để hàng khi nhận hàng của bên A. Kho hàng phải sạch sẽ và không được để hàng hoá tiếp xúc trực tiếp với hoá chất gây hại.

Bên B đồng ý giữ bí mật nội dung hợp đồng và các phụ lục, các công văn thông báo không được tiết lộ cho bên thứ ba. Ngoại trừ yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 4: Phương thức thanh toán

Bên B thanh toán tiền hàng cho bên A sau khi nhận đủ hàng và hóa đơn giá trị gia tăng bằng chuyển khoản.

Điều 5: Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, có gì vướng mắc hai bên gặp nhau để bàn bạc giải quyết.

Nếu bên nào thực hiện sai các điều khoản đã ghi trong hợp đồng thì bên đó phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025 và sau khi hết hạn hợp đồng nếu 2 bên không có tranh chấp gỡ dỡ hợp đồng sẽ tự gia hạn năm tiếp theo. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau, có hiệu lực từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
(Ký tên và đóng dấu)
SẢN XUẤT VÀ
KINH DOANH
DUY TRÚC
H. HÀ VI - T. HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Khuyên

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
(Ký tên và đóng dấu)
CÔNG TY
T.N.H.H
AN QUANG HÙNG
P. GIANG-T. BẮC NINH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Cát Cường



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- | | |
|---|--|
| 1. Tên mẫu thử/ Name of sample: | Chai nhựa PET |
| 2. Khách hàng/ Customer: | Công ty TNHH An Quang Hung |
| 3. Số lượng mẫu/ Quantity: | 01 mẫu |
| 4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: | 26/02/2024 |
| 5. Tình trạng mẫu/ Status of sample: | Mẫu không bao gói |
| 6. Thời gian thử nghiệm/ Test duration: | Từ ngày/ From: 26/02/2024 đến ngày/ To: 07/03/2024 |
| 7. Ngày hoàn thành/ Completion date: | 07/03/2024 |

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức tham khảo Limits (**)	Kết quả Results
1.	Hàm lượng Cd	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	KPH (LOD =1,0)
2.	Hàm lượng Pb	µg/g	"	< 100	KPH (LOD =1,0)
3.	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm : - 60°C, 30 phút, trong nước, - 25°C, 60 phút, trong n-heptan, - 60°C, 30 phút, trong axit acetic 4% - 60°C, 30 phút, trong etanol 20%	µg/ml µg/ml µg/ml µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT " " "	≤ 30 ≤ 30 ≤ 30 ≤ 30	KPH (LOD =5,0) KPH (LOD =5,0) < 15,0(LOQ=15,0) KPH (LOD =5,0)
4.	Tổng kim loại nặng qui ra Pb (*) (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong axit acetic 4%)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 1,0	< 1,0
5.	Lượng KMnO ₄ sử dụng, (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong nước)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	KPH (LOD =1,0)
6.	Hàm lượng Sb (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong axit acetic 4%)		QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 0,05	KPH(LOD =0,01)
	Hàm lượng Ge (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong axit acetic 4%)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 0,1	KPH(LOD =0,01)

(*): Chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS

(**): Mức tham khảo: QCVN12-1:2011/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
 THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**
 Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2024
GIÁM ĐỐC
 Director



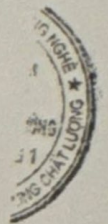
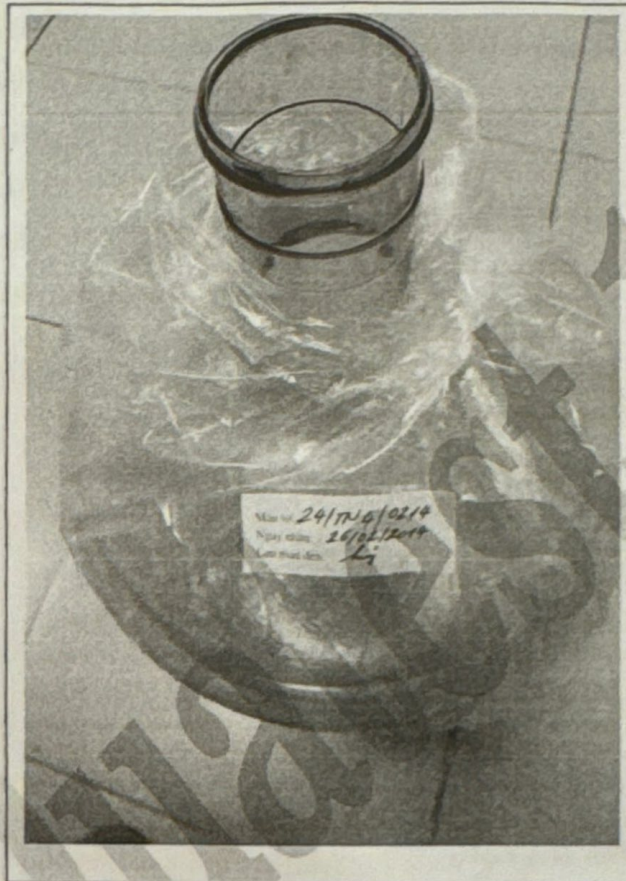
PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN4/0214

Trang/Pa 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

số: 01 /HĐNT/2023 DT

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015

- Căn cứ vào luật thương mại số 36/2005/QH 11 được quốc hội của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 2 tháng 08 năm 2023. Hai bên chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên bán) : HỢP TÁC XÃ SONG LONG

Địa chỉ : Căn hộ số 9, số nhà 31 Phố Nguyễn Thiệp, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện Thoại : 0243.8730.760

Fax: 0243.8733.565

Số tài khoản : 114 00000 2398 tại Vietinbank CN Chương Dương, Long Biên, Hà Nội

Mã số thuế : 0100234812

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Anh Châm Chức Vv: Giám đốc

BÊN B: (Bên mua):) : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH

Địa chỉ : Thôn Việt Hòa, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành Phố Hà Nội

Mã số thuế : 0110 445 918

Điện thoại : 0982 383 288

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Khuyên Chức vụ : Giám đốc

Hai bên cùng nhau thỏa thuận trao đổi và đi đến thống nhất ký hợp đồng nguyên tắc với nội dung sau:

ĐIỀU I: Nội dung hợp đồng:

Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua sản phẩm chai 0.5L, chai 0.35L theo khuôn mẫu của bên B do Hợp Tác Xã Song Long sản xuất

ĐIỀU II: Quy cách, Chất lượng

Hàng mới 100%.

Mẫu mã do hai bên thống nhất.

Hàng đủ tiêu chuẩn của nhà sản xuất đã đăng ký.

ĐIỀU III. Thời gian và địa điểm giao hàng:

Do đặc điểm mặt hàng chai có nhiều chủng loại và mặt hàng khác nhau, vì vậy trước mỗi lần nhận hàng bên B phải báo trước 07 ngày cho bên A bằng điện thoại trực tiếp hoặc Fax đơn đặt hàng về nhu cầu của từng mặt hàng, số lượng và thống nhất giá cả để bên A chuẩn bị hàng cho bên B.

Thời gian giao hàng, được giao làm nhiều lần theo đơn đặt hàng của bên B kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 31/12/2023. Giao hàng tại kho của bên A. Chi phí bốc xếp mỗi bên chịu một đầu

ĐIỀU IV. Điều khoản thanh toán:



Bên A có trách nhiệm giao đầy đủ số lượng hàng theo đúng đơn đặt hàng và cung cấp hóa đơn GTGT do Bộ Tài Chính quy định.

Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A trước khi nhận hàng. Số tiền căn cứ theo giá trị của đơn hàng mà bên B đã đặt với bên A.

Bên B thanh toán tiền hàng cho bên A bằng tiền mặt, chuyển khoản.

ĐIỀU V: Quyền và trách nhiệm của mỗi bên

Quyền và trách nhiệm của bên A

Cung cấp đầy đủ mặt hàng, số lượng, chất lượng cho từng đợt giao hàng theo thời gian hai bên đã thỏa thuận.

Cung cấp đầy đủ chứng từ hóa đơn bán hàng cho bên B

Đổi lại sản phẩm do lỗi của nhà sản xuất cho bên B

Quyền và trách nhiệm của bên B

Chỉ được trả lại hàng với lý do: Hàng hỏng do lỗi nhà sản xuất (trả ngay tại thời điểm giao nhận hàng. Sau khi bên B đã nhận hàng thì bên B không được phép trả lại hàng. Trừ trường hợp ngoại lệ khác phải có xác nhận bằng văn bản của hai bên)

Thanh toán nhanh, đúng, đủ tiền hàng cho bên A theo điều IV của hợp đồng.

ĐIỀU VI: Cam kết chung:

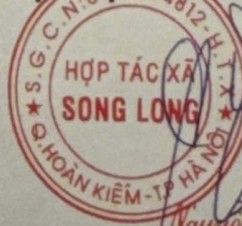
Hai bên cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh hai bên cùng nhau phối hợp giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu những tranh chấp xảy ra mà hai bên không tự giải quyết được thì đưa ra tòa án kinh tế và tuân thủ theo quyết định của tòa án kinh tế Hà Nội

Mọi sửa đổi bổ sung liên quan đến hợp đồng đều phải lập thành biên bản có xác nhận của hai bên.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Sau khi thanh toán và giao hàng xong, hai bên không còn thắc mắc thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý .

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Anh Châm

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Khuyên



BẢN TỰ CÔNG BỐ HỢP QUY

Số : 2/2023/0100234812-SL

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: HỢP TÁC XÃ SONG LONG

Địa chỉ: Phường Bồ Đề - Quận Long Biên – TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.8730760 Fax: 0243.7166883

Email:songlongplastic@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0100234812

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng.

II. Thông tin về sản phẩm

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM	Bao bì thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	Số: 2/2023/0100234812-SL
HỢP TÁC XÃ SONG LONG	Bình PET đựng thực phẩm	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng rắn
2	Màu sắc	Màu trắng và màu xanh là đặc trưng của sản phẩm
3	Mùi vị	Không mùi
4	Các đặc tính khác	

1.2 Chỉ tiêu mức tối thiểu.

STT	Tên chỉ tiêu kiểm tra	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Cadmi	mcg/g	≤ 100
2	Chì	mcg/g	≤ 100
3	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm 60 độ C, 30 phút trong nước	mcg/ml	≤ 30
4	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm 25 độ C, 60 phút trong n-heptan	mcg/ml	≤ 240
5	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm 60 độ C, 30 phút trong acetic 4%	mcg/ml	≤ 30
6	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm 60 độ C, 30 phút trong etanol 20%	mcg/ml	≤ 30
7	Lượng KMnO4, sử dụng (Điều kiện thử nghiệm 60 độ C, 30 phút trong nước)	mcg/ml	≤ 10
8	Kim loại nặng điều kiện thử nghiệm 60 độ C, 30 phút	mcg/ml	≤ 1,0

	trong axit acetic 4%		
9	Hàm lượng Sb (acetic acid 4%/60 độ C/30 phút)	mcg/ml	≤ 0,05
10	Hàm lượng Ge (acetic acid 4%/60 độ C/30 phút)	mcg/ml	≤ 0,1

1.3 Các chỉ tiêu khác

2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO.

Nắp, bình và vòi được làm bằng hạt nhựa Polyethylen Terephthalate (PET)

3. THỜI HẠN SỬ DỤNG.

Thời hạn sử dụng từ 1 đến 2 năm

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN.

Dùng để đựng trực tiếp thực phẩm, bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

5. CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Chất liệu bao bì: Bao PE, PP, Bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, Bình 5GL nắp không vòi; Bình 5GL nắp có vòi và Bình 2 GL nắp có vòi.

6. QUY TRÌNH SẢN XUẤT.

7. CÁC BIỆN PHÁP PHÂN BIỆT THẬT GIẢ (Nếu có)

8. NỘI DUNG GHI NHÃN

Xem phụ lục đính kèm.

9. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA.

Xuất xứ: Việt Nam

Thương nhân chịu trách nhiệm sản xuất: HỢP TÁC XÃ SONG LONG

Địa chỉ: Phường Bồ Đề - Quận Long Biên – TP Hà Nội

III. **Mẫu nhãn sản phẩm:** Nhãn sản phẩm và nhãn phụ sản phẩm dự kiến đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng Nhựa loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, Ngày 02 tháng 01 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Anh Châm

NHÃN PHỤ

Tên sản phẩm: BÌNH PET ĐỰNG THỰC PHẨM

Thành phần: Nhựa Polyethylene (PET)

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng trực tiếp thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Nhà sản xuất: HỢP TÁC XÃ SONG LONG

Địa chỉ: Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.8730760 Fax: 0243.7166883

Thể tích: 5GL = 19 Lít; 2GL = 7 Lít.

Số tự công bố: 2/2023/0100234812-SL

Hà Nội, Ngày 02 tháng 01 năm 2023
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Anh Châm

NHÃN PHỤ

Tên sản phẩm: BÌNH PET ĐỰNG THỰC PHẨM

Thành phần: Nhựa Polyethylene (PET)

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng trực tiếp thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Nhà sản xuất: HỢP TÁC XÃ SONG LONG

Địa chỉ: Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.8730760 Fax: 0243.7166883

Thể tích: 5GL = 19 Lít; 2GL = 7 Lít.

Số tự công bố: 2/2023/0100234812-SL

Hà Nội, Ngày 02 tháng 01 năm 2023

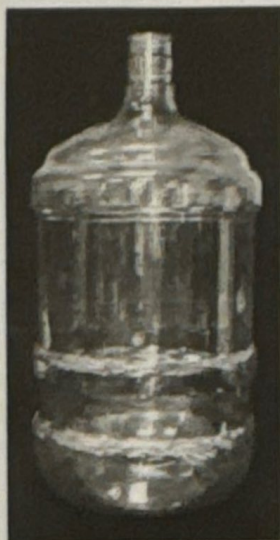
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Anh Châm

MẪU NHÃN SẢN PHẨM



Bình 5GL nắp không vòi



Bình 5GL nắp có vòi



Bình 2GL nắp có vòi



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- | | |
|---|--|
| 1. Tên mẫu thử/ Name of sample: | Bình nước, Bình giữ nhiệt, Bình, Chai các loại |
| 2. Khách hàng/ Customer: | CÔNG TY TNHH SONG LONG |
| 3. Số lượng mẫu/ Quantity: | 01 mẫu |
| 4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: | 08/08/2023 |
| 5. Tình trạng mẫu/ Status of sample: | Mẫu trong thùng giấy |
| 6. Thời gian thử nghiệm/ Test duration: | Từ ngày/ From: 08/08/2023 đến ngày/ To: 18/08/2023 |
| 7. Ngày hoàn thành/Completion date: | 18/08/2023 |

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức tham khảo Limits (**)	Kết quả Results
1.	Hàm lượng Cd	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	KPH (LOD =1,0)
2.	Hàm lượng Pb	µg/g	"	< 100	6,77
3.	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm : - 60°C, 30 phút, trong nước, - 25°C, 60 phút, trong n-heptan, - 60°C, 30 phút, trong axit acetic 4% - 60°C, 30 phút, trong etanol 20%	µg/ml µg/ml µg/ml µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT " " "	≤ 30 ≤ 30 ≤ 30 ≤ 30	KPH (LOD =5,0) KPH (LOD =5,0) < 15,0 (LOQ =15,0) KPH (LOD =5,0)
4.	Tổng kim loại nặng qui ra Pb (*) (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong axit axetic 4%)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 1,0	< 1,0
5.	Lượng KMnO ₄ sử dụng, (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong nước)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	KPH (LOD =1,0)

(*) Chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS

(**): Mức quy định: QCVN12-1:2011/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa ứng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

TRƯỞNG PHÒNG
 THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
 Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2023

GIÁM ĐỐC
 Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 19102023/HĐNT HUNACO-DUYTHANH

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên,

Hôm nay, ngày 19 tháng 10 năm 2023, tại Công ty CỔ PHẦN VÀ BAO BÌ BẮC NAM, chúng tôi gồm:

1/BÊN A: (BÊN BÁN) CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ BẮC NAM

Địa chỉ: Số nhà 51 ngõ 199 đường Hồ Tùng Mậu, tổ 2, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0109357858

Đại diện: (Bà) Ngô Thị Lộc

- Chức vụ: **Giám đốc**

Số tài khoản: số 6868.12226.8888 Tại ngân hàng TMCP Quân đội (MB bank)

(Sau đây gọi là "Bên A")

2/BÊN B: (BÊN MUA) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH

Địa chỉ: Thôn Việt Hòa, xã Vân Hòa, huyện Ba Vì, TP.Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0110445918

Đại diện: (Bà) Nguyễn Thị Khuyên

- Chức vụ: **Giám đốc**

(Sau đây gọi là "Bên B")

Sau khi thỏa thuận, hai Bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng hàng hóa cho bên B (sau đây gọi là "Hợp đồng") với các điều khoản sau:

Điều 1: Các nguyên tắc chung

Hai Bên tham gia ký kết Hợp đồng này trên cơ sở quan hệ Bạn hàng, bình đẳng và cùng có lợi theo đúng các quy định của Pháp luật.

Các nội dung trong bản hợp đồng nguyên tắc này chỉ được sửa đổi khi có sự thỏa thuận của hai bên và được thống nhất bằng văn bản. Văn bản thay đổi nội dung hợp đồng nguyên tắc này được xem là Phụ lục và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

Các nội dung hợp tác, mua bán hàng hóa cụ thể theo từng thời điểm sẽ được cụ thể hóa trong các Đơn đặt hàng cụ thể.

Điều khoản nào trong Đơn đặt hàng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì sẽ thực hiện theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này.

Các tài liệu có liên quan và gắn liền với hợp đồng này bao gồm:



- Các đơn đặt hàng cụ thể;
- Hóa đơn giá trị gia tăng

Điều 2: Đơn đặt hàng

- Đơn đặt hàng được xác lập dựa trên cơ sở đặt hàng chính thức của bên B, gửi đến bên A và được bên A chấp nhận thông qua điện thoại, fax, email hoặc zalo.
- Đơn đặt hàng phải ghi rõ sản phẩm, số lượng và các yêu cầu kèm theo.
- Loại hàng hóa bên A cung cấp cho bên B bao gồm: **Vỏ bình, vỏ chai, in ấn tem nhãn và các vật tư theo yêu cầu của bên B.**

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

- Giá trị hợp đồng là tạm tính căn cứ vào đơn giá được xác nhận giữa 2 bên từng thời điểm và khối lượng thực tế được nghiệm thu giữa hai bên.
- Bên B thanh toán giá trị hợp đồng cho bên A bằng hình thức giao nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bên A.
- Đồng tiền sử dụng để thanh toán theo Hợp đồng này là Việt Nam Đồng (viết tắt VNĐ).
- Thời gian thanh toán: Bên B thanh toán làm 02 lần: Lần 1 thanh toán 100% tiền trực in và 30% giá trị đơn hàng. Lần 2 thanh toán số còn lại sau khi bên A thông báo giao hàng.

Điều 4: Chất lượng sản phẩm

- Chất liệu, quy cách, tiêu chuẩn do bên B cung cấp cho bên A, bên A hỗ trợ bản vẽ thiết kế miễn phí cho bên B, tính phí khi bên B có nhu cầu sử dụng file gốc.
- Hàng mới 100%.

Điều 5: Giao hàng

- Thời gian và phương thức giao hàng: theo điều khoản hai bên thống nhất trong Đơn đặt hàng.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên A

6.1. Quyền của bên A

- Được cung cấp đầy đủ thông tin của sản phẩm bên B đặt in
- Được thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

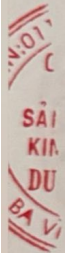
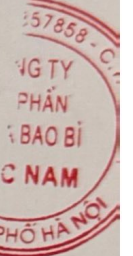
6.2. Nghĩa vụ của bên A

- Sản xuất theo yêu cầu của bên B
- Giao sản phẩm đầy đủ và đúng hạn
- Tiếp nhận và giải quyết các vấn đề về chất lượng sản phẩm nếu do lỗi của bên A
- Đảm bảo tính bảo mật toàn bộ thông tin về sản phẩm của bên B
- Không tự ý sử dụng thông tin, sản phẩm của bên B để trục lợi

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của bên B

7.1. Quyền của bên B

- Được nhận sản phẩm đúng theo số lượng, chất lượng đã đặt hàng
- Yêu cầu bên A sửa và xử lý lại sản phẩm trong trường hợp sản phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật, bản vẽ thiết kế.



7.2. Nghĩa vụ của bên B

- Cung cấp đầy đủ các thông tin, thông số kỹ thuật cũng như tài liệu về sản phẩm cho bên A và đảm bảo tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đó
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận của hai bên.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

Trong trường hợp mỗi bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những tổn thất mà bên kia phải gánh chịu do việc thực hiện không đúng nghĩa vụ đó, bao gồm cả thiệt hại trực tiếp và gián tiếp xảy ra.

Điều 9. Sửa đổi, tạm ngừng thực hiện và chấm dứt Hợp đồng

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực khi có thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn và Các Bên không gia hạn Hợp đồng; hoặc
- Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn; trong trường hợp đó, Các Bên sẽ thỏa thuận về các điều kiện cụ thể liên quan tới việc chấm dứt Hợp đồng; hoặc
- Một trong Các Bên ngừng kinh doanh, không có khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn, lâm vào tình trạng hoặc bị xem là mất khả năng thanh toán, có quyết định giải thể, phá sản. Trong trường hợp này Hợp đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do Hai Bên thỏa thuận và/hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; hoặc thanh lý Hợp đồng: Khi có nhu cầu thanh lý Hợp đồng, hai Bên tiến hành đối soát, thanh toán hoàn thiện các khoản phí. Sau khi hai Bên hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ tiến hành ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

Tất cả những phát sinh nếu có liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng.

Nếu không thương lượng được thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam bên cạnh phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này. Quyết định của trọng tài là quyết định cuối cùng và phải được các bên tuân theo. Phí trọng tài sẽ do bên thua kiện trả, trừ phi có sự thỏa thuận của hai bên.

Điều 11: Điều khoản quy định về hiệu lực và giải quyết tranh chấp hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024

Trong vòng một (01) tháng trước khi thời hạn hợp đồng kết thúc, nếu hai Bên không có ý kiến gì thì hợp đồng này được tự động gia hạn 12 (Mười hai) tháng tiếp theo.

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.



GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Lộc



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 02012024 /HDNT/BN-DT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005.
- Căn cứ vào nhu cầu khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Hà Nội, đại diện các bên gồm có:

1/BÊN A: (BÊN BÁN) CÔNG TY CP IN VÀ BAO BÌ BẮC NAM

Địa chỉ: Số 51 ngõ 199 đường Hồ Tùng Mậu, tổ 2 phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961.024.935

Mã số thuế: 0109357858

Số TK: 6868122268888 Tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)

Đại diện: Bà **NGÔ THỊ LỘC**

- Chức vụ: **Giám đốc**

(Sau đây gọi là "Bên A")

2/BÊN B (BÊN MUA): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH

Địa chỉ: Thôn Việt Hoà, Xã Vân Hòa, huyện Ba Vì, Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0110445918

Đại diện: Bà **Nguyễn Thị Khuyên**

- Chức vụ: **Giám đốc**

(Sau đây gọi là "Bên B")

Sau khi thỏa thuận, hai Bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng hàng hóa cho bên B (sau đây gọi là "Hợp đồng") với các điều khoản sau:

Điều 1: Các nguyên tắc chung

Hai Bên tham gia ký kết Hợp đồng này trên cơ sở quan hệ Bạn hàng, bình đẳng và cùng có lợi theo đúng các quy định của Pháp luật.

Các nội dung trong bản hợp đồng nguyên tắc này chỉ được sửa đổi khi có sự thỏa thuận của hai bên và được thống nhất bằng văn bản. Văn bản thay đổi nội dung hợp đồng nguyên tắc này được xem là Phụ lục và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

Các nội dung hợp tác, mua bán hàng hóa cụ thể theo từng thời điểm sẽ được cụ thể hóa trong các Đơn đặt hàng cụ thể.

Điều khoản nào trong Đơn đặt hàng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì sẽ thực hiện theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này.

Các tài liệu có liên quan và gắn liền với hợp đồng này bao gồm:

- Báo giá
- Các đơn đặt hàng cụ thể;
- Hóa đơn giá trị gia tăng

Điều 2: Đơn đặt hàng

- Đơn đặt hàng được xác lập dựa trên cơ sở đặt hàng chính thức của bên B, gửi đến bên A và được bên A chấp nhận thông qua điện thoại, fax, email hoặc zalo.
- Đơn đặt hàng phải ghi rõ sản phẩm, số lượng và các yêu cầu kèm theo.
- Loại hàng hóa bên A cung cấp cho bên B bao gồm: **Tem, nhãn, thùng carton và các vật tư theo yêu cầu của bên B.**

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

- Giá trị hợp đồng là tạm tính căn cứ vào đơn giá được xác nhận giữa 2 bên từng thời điểm và khối lượng thực tế được nghiệm thu giữa hai bên.
- Bên B thanh toán giá trị hợp đồng cho bên A bằng hình thức giao nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bên A.
- Đồng tiền sử dụng để thanh toán theo Hợp đồng này là Việt Nam Đồng (viết tắt VND).
- Thời gian thanh toán: **Bên B thanh toán tiền hàng cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hàng và chứng từ hóa đơn giá trị gia tăng**

Điều 4: Chất lượng sản phẩm

- Chất liệu, quy cách, tiêu chuẩn do bên B cung cấp cho bên A, bên A hỗ trợ bán vẽ thiết kế miễn phí cho bên B.
- Hàng mới 100%.

Điều 5: Giao hàng

- Thời gian và phương thức giao hàng: theo điều khoản hai bên thống nhất trong Đơn đặt hàng.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên A

6.1. Quyền của bên A

- Được cung cấp đầy đủ thông tin của sản phẩm bên B đặt in

- Được thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

6.2. Nghĩa vụ của bên A

- Sản xuất theo yêu cầu của bên B
- Giao sản phẩm đầy đủ và đúng hạn
- Tiếp nhận và giải quyết các vấn đề về chất lượng sản phẩm nếu do lỗi của bên A
- Đảm bảo tính bảo mật toàn bộ thông tin về sản phẩm của bên B
- Không tự ý sử dụng thông tin, sản phẩm của bên B để trục lợi

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của bên B

7.1. Quyền của bên B

- Được nhận sản phẩm đúng theo số lượng, chất lượng đã đặt hàng
- Yêu cầu bên A sửa và xử lý lại sản phẩm trong trường hợp sản phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật, bản vẽ thiết kế.

7.2. Nghĩa vụ của bên B

- Cung cấp đầy đủ các thông tin, thông số kỹ thuật cũng như tài liệu về sản phẩm cho bên A và đảm bảo tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đó
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận của hai bên.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

Trong trường hợp mỗi bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những tổn thất mà bên kia phải gánh chịu do việc thực hiện không đúng nghĩa vụ đó, bao gồm cả thiệt hại trực tiếp và gián tiếp xảy ra.

Điều 9. Sửa đổi, tạm ngừng thực hiện và chấm dứt Hợp đồng

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực khi có thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Hợp đồng hết hạn và Các Bên không gia hạn Hợp đồng; hoặc
- b) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn; trong trường hợp đó, Các Bên sẽ thỏa thuận về các điều kiện cụ thể liên quan tới việc chấm dứt Hợp đồng; hoặc
- c) Một trong Các Bên ngừng kinh doanh, không có khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn, lâm vào tình trạng hoặc bị xem là mất khả năng thanh toán, có quyết định giải thể, phá sản. Trong trường hợp này Hợp đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do Hai Bên thỏa thuận và/hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; hoặc thanh lý Hợp đồng; Khi có nhu cầu

thanh lý Hợp đồng, hai Bên tiến hành đối soát, thanh toán hoàn thiện các khoản phí. Sau khi hai Bên hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ tiến hành ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

Tất cả những phát sinh nếu có liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng.

Nếu không thương lượng được thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam bên cạnh phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này. Quyết định của trọng tài là quyết định cuối cùng và phải được các bên tuân theo. Phí trọng tài sẽ do bên thua kiện trả, trừ phi có sự thỏa thuận của hai bên.

Điều 11: Điều khoản quy định về hiệu lực và giải quyết tranh chấp hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024

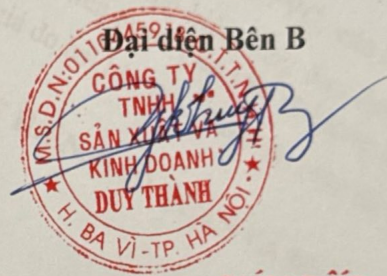
Trong vòng một (01) tháng trước khi thời hạn hợp đồng kết thúc, nếu hai bên trong hợp đồng không có ý kiến gì thì hợp đồng này được tự động gia hạn 12 (Mười hai) tháng tiếp theo.

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.



Đại diện Bên A

GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Lộc



Đại diện Bên B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chi Khuyên

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số/2025/HĐNT- ĐV- DT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 đã được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ 01/1/2006;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày.... tháng năm 2025, chúng tôi gồm có:

1/BÊN A (BÊN BÁN) : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐỨC VIỆT

Đại chi trụ sở chính : Số 9, ngõ 16 Thái Hà, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Hà Nội

Địa chỉ : Số 287 Đường Xuân Phương, P.Xuân Phương, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

Điện thoại : (024) 33 999 777 Fax: (024) 3996 555

Mã số thuế : 0103403787

Đại diện : Ông TRẦN NGỌC VIỆT Chức vụ: Giám đốc

Số tài khoản:

2/BÊN B (BÊN MUA): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH

Địa chỉ : Thôn Việt Hòa, Xã Yên Bài, TP Hà Nội

Điện thoại : 09

Mã số thuế : 0110445918

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Khuyên Chức vụ: Giám Đốc

Số tài khoản:

Sau khi bàn bạc và thảo luận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản như sau:

ĐIỀU I: TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ

Tên hàng: Các loại vỏ bình, nắp, vòi, màng co PVC, các loại tem nhãn, trục in các loại

Số lượng: theo nhu cầu của hai bên thể hiện bằng đơn đặt hàng (fax, điện thoại, qua Mail...), số lượng hàng in cộng trừ 15%, số tiền thanh toán trên số lượng in thực tế.

Quy cách, chất lượng, đơn giá do hai bên thoả thuận tại từng thời điểm đặt hàng và thể hiện trên từng hoá đơn GTGT.

ĐIỀU II: THỜI GIAN THỰC HIỆN, BẢO QUẢN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN

★Thời gian giao nhận:

Nhãn decal giấy: 10 ngày

Nhãn decal nhựa: 15 ngày

Màng co cổ bình in: 07 ngày

Màng co nắp chai con, nhãn chai con: 15 ngày

Màng co áo bình, màng co cuộn in, túi đá in, vỏ bình, vật tư khác: 5-7 ngày



Thời hạn giao hàng tính từ khi bên B thanh toán tiền lần 01 cho bên A

★**Điều kiện bảo quản sản phẩm:** Hàng hóa được yêu cầu bảo quản trong điều kiện thoáng mát, không tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, trong quá trình bảo quản nhiệt độ không quá 30°C.

ĐIỀU III: THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

* Lần 01: Thanh toán 30% đơn hàng khi đặt hàng

* Lần 02: Thanh toán nốt số tiền hàng còn lại bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngay khi nhận đủ hàng

ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

★**Trách nhiệm của Bên A:**

- Giao hàng cho Bên B đúng chất lượng, mẫu mã, nếu không đúng chất lượng, mẫu mã Bên B có quyền từ chối không nhận lô hàng đó và Bên A có trách nhiệm làm lại toàn bộ lô hàng đó cho Bên B.

- Giao hàng đúng thời gian thỏa thuận

- Số lượng thực tế chênh lệch $\pm 15\%$ (cộng trừ mười năm phần trăm) so với số lượng Bên B đặt trên từng đơn hàng.

- Bảo quản, giữ gìn trực in miễn phí cho bên B để phục vụ các đơn hàng in ấn bằng trực in cho bên B, không được sử dụng trực in của bên B cho mục đích khác và phải trả lại trực in nếu bên B yêu cầu trong vòng 15 ngày sau khi nhận được yêu cầu

★**Trách nhiệm Bên B:**

- Phải thanh toán đúng hạn cho Bên A như thoả thuận.

- Ngay khi nhận hàng, Bên B phải kiểm tra mẫu mã, quy cách, số lượng cũng như chất lượng, nếu có sai sót gì về kỹ thuật hay số lượng thì Bên B phải báo ngay cho Bên A biết để hai bên có hướng giải quyết kịp thời.

ĐIỀU V: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ những điều khoản đã ghi trong hợp đồng, mọi thay đổi, bổ sung (nếu có) hai bên sẽ tiến hành bằng văn bản hay phụ lục hợp đồng.

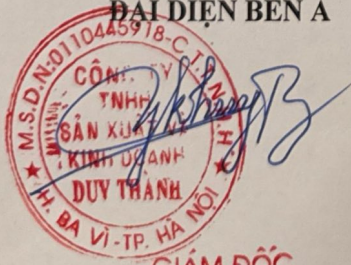
- Mọi tranh chấp (nếu có) hai bên sẽ tiến hành thoả thuận, giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì tranh chấp sẽ do Tòa Án Kinh Tế tỉnh (do hai bên thống nhất) giải quyết. Quyết định của Tòa Án Kinh Tế là quyết định cuối cùng bắt buộc hai bên phải thực hiện. Bên thua kiện phải chịu trách nhiệm nộp phí và bồi thường thiệt hại cho bên kia theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU VI: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có giá trị từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025 và tự động gia hạn nếu hai bên có nhu cầu giao dịch tiếp. Thời hạn không quá 3 năm kể từ ngày ký

- Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Huyền

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Việt

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- | | |
|---|---|
| 1. Tên mẫu thử/ Name of sample: | Vỏ bình 19 lít |
| 2. Khách hàng/ Customer: | CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐỨC VIỆT |
| 3. Số lượng mẫu/ Quantity: | 01 mẫu |
| 4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: | 25/06/2025 |
| 5. Tình trạng mẫu/ Status of sample: | Mẫu không bao gói |
| 6. Thời gian thử nghiệm/ Test duration: | Từ ngày/ From: 25/06/2025 đến ngày/ To: 22/07/2025 |
| 7. Ngày hoàn thành/ Completion date: | 22/07/2025 |

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức tham khảo Limits (**)	Kết quả Results
1.	Hàm lượng Cd	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT + ICP MS	< 100	KPH (LOD = 1,0)
2.	Hàm lượng Pb	µg/g	"	< 100	KPH (LOD = 1,0)
3.	Tổng kim loại nặng qui ra Pb (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong axit acetic 4%)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 1,0	< 1,0
4.	Lượng KMnO ₄ sử dụng, (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong nước)	(*) µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	KPH (LOD = 5,0)
5.	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm : - 60°C, 30 phút, trong nước, - 25°C, 60 phút, trong n-heptan, - 60°C, 30 phút, trong axit acetic 4% - 60°C, 30 phút, trong etanol 20%	(*) µg/ml µg/ml µg/ml µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT " " "	≤ 30 ≤ 30 ≤ 30 ≤ 30	KPH (LOD = 5,0) KPH (LOD = 5,0) < 15,0 (LOQ = 15,0) KPH (LOD = 5,0)

(*) Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS ; KPH: Không phát hiện

(**): Mức tham khảo: QCVN 12-1:2011/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN4/1610.....

Trang/Page:.....2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/ĐỨC VIỆT/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐỨC VIỆT

Địa chỉ: Số 9, Ngõ 16 Thái Hà, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988.266.886

Fax:

E-mail : bonaquavn@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0103403787

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp:
..... (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: VỎ BÌNH 19L

2. Thành phần: Hạt nhựa Polyethylen terephthalate (PET)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không hạn định

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: 01 cái/ túi, 06 cái/ túi

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi nilon, túi PE đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 12-1:2011/BYT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC 1

Trần Ngọc Việt

Được quét bằng CamScanner

MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐỨC VIỆT

Địa chỉ: Số 9, Ngõ 16 Thái Hà, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất : Số 296 Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện Thoại: 0988.266.886

VỎ BÌNH ĐỰNG NƯỚC 19 LÍT

Thành phần: Hạt nhựa Polyethylen terephthalate (PET)

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng nước uống đóng chai.
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày Sản Xuất : in trên bao bì

Số Lượng:

Thông số kỹ Thuật: Dung Tích 19L

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 Năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Việt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Citizen Identity Card 

Số / No.: **001181008150**

Họ và tên / Full name:

NGUYỄN THỊ KHUYÊN

Ngày sinh / Date of birth: **15/10/1981**

Giới tính / Sex: **Nữ** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**

Quê quán / Place of origin:

Triệu Tài, Triệu Phong, Quảng Trị

Nơi thường trú / Place of residence: **Tổ 55 Cụm 9**

Phủ Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

CS đã được quét bằng CamScanner
Date of expiry: 15/10/2041



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC

IDENTITY CARD 

Số định danh cá nhân / Personal identification number:

001089027155

Họ, chữ đệm và tên khai sinh / Full name:

LÊ MANH DUY

Ngày, tháng, năm sinh / Date of birth:

06/06/1989

Giới tính / Sex:

Nam

Quốc tịch / Nationality:

Việt Nam



Được quét bằng CamScanner



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Citizen Identity Card 

Số / No.: **038060000097**

Họ và tên / Full name:

LÊ BÁ DŨNG

Ngày sinh / Date of birth: **15/04/1960**

Giới tính / Sex: **Nam** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**

Quê quán / Place of origin:

Xuân Sinh, Thọ Xuân, Thanh Hóa

Nơi thường trú / Place of residence: **Thôn Việt Hòa**

Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội



Ngày hết hạn /
Date of expiry
Không thời hạn




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness



CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Citizen Identity Card 

Số / No: **038182042287**

Họ và tên / Full name:

ĐỖ THỊ THU

Ngày sinh / Date of birth: **05/01/1982**


Giới tính / Sex: **Nữ** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**

Quê quán / Place of origin:

Ngọc Trạo, Thạch Thành, Thanh Hóa

Nơi thường trú / Place of residence: **Mường Phú Vàng**

Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội

 **Được quét bằng CamScanner**
Date of expiry: **05/01/2042**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM


Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Citizen Identity Card 

Số / No.: **001180019550**

Họ và tên / Full name:

NGUYỄN THỊ BÌNH

Ngày sinh / Date of birth: **10/08/1980**

Giới tính / Sex: **Nữ** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**

Quê quán / Place of origin:

Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội

Nơi thường trú / Place of residence: **Thôn Đa Cường**

Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội

Đã hết hạn
Date of expiry

Đặc điểm nhân dạng / Personal identification:

Nốt ruồi C. 2cm dưới trước đuôi mắt phải

Ngày, tháng, năm / Date, month, year 04/05/2021

CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT
FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER



Phạm Công Nguyễn



Ngón trỏ trái
Left index finger

Ngón trỏ phải
Right index finger

Phạm Công Nguyễn

IDVNM1800195503001180019550<<4
8008105F4008107VNM<<<<<<<<<<<<<4
NGUYEN<<THI<BINH<<<<<<<<<<<<<<<<




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bộc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC

IDENTITY CARD 

Số định danh cá nhân / *Personal identification number*

001184048788

Họ, chữ đệm và tên khai sinh / *Full name*

CHU THỊ MINH

Ngày, tháng, năm sinh / *Date of birth*


21/01/1984

Giới tính / *Sex*

NỮ

Quốc tịch / *Nationality*

Việt Nam

 Được quét bằng CamScanner

NƠI CƯ TRÚ / Place of residence: Đa Cường

Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội

Nơi đăng ký khai sinh / Place of birth:

Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội



Ngày, tháng, năm cấp / Date of issue

08/01/2025

Ngày, tháng, năm hết hạn / Date of expiry:

21/01/2044

BỘ CÔNG AN / MINISTRY OF PUBLIC SECURITY



IDVNM1840487886001184048788<<7
8401212F4401214VNM<<<<<<<<<<<<<8
CS Đ. B. S. Q. H. T. H. G. M. S. C. A. N. H. T. H. M. I. N. I. S. T. R. Y. O. F. P. U. B. L. I. C. S. E. C. U. R. I. T. Y.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIETY REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Citizen Identity Card 

Số / No: **001205057470**

Họ và tên / Full name:

VŨ HOÀNG VIỆT

Ngày sinh / Date of birth: **01/04/2005**

Giới tính / Sex: **Nam** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**

Quê quán / Place of origin:

Xuân Đình, Phúc Thọ, Hà Nội

Nơi thường trú / Place of residence:

Hát Giang

Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội



CS CamScanner
Date of expiry: 01/04/2030

**TẬP HUẤN
CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI
BẾP ĂN TẬP THỂ**

**Ths. Phùng Thị Vân
ĐT: 0972.963.296
Email: phungvan31186@gmail.com**

NĂM 2025





NỘI DUNG

PHẦN 1: VĂN BẢN QUẢN LÝ VỀ ATTP

PHẦN 2: Khái niệm cơ bản về an toàn thực phẩm và ngộ độc thực phẩm

PHẦN 3: Trách nhiệm của BGH nhà trường và các yêu cầu đối với BATT

Phần 4: Tồn tại và đề xuất phương pháp giải quyết



I. Một số văn bản pháp quy mới về ATTP

Nghị định
15/2018/NĐ-CP

- Quy định chi tiết một số điều về Luật ATTP
- Có hiệu lực thi hành từ ngày 02/02/2018.
- Cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận CS đủ ĐK ATTP: Bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm

Nghị định số
115/2018/NĐ-CP

- Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.
- Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2018.
- Thay thế nghị định số 178/NĐ-CP về xử lý vi phạm HC về ATTP.
- Đối với cùng một hành vi VPHC thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.
- BATT: mức tiền phạt từ 1-15 triệu đồng

Nghị định số
155/2018/NĐ-CP

- Sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc PVQL của BYT
- Bãi bỏ thông tư 15,16,26,30,47 của BYT
- Có hiệu lực từ ngày 12/11/2018



Có hợp đồng mua bán TP với các CSSXCBKD có tính pháp lý, đủ năng lực

Nguồn gốc thực phẩm cho BATT cần

Lưu giữ đầy đủ phiếu giao nhận hàng hóa

Phụ gia thực phẩm trong danh mục cho phép của BYT

Đơn vị truy xuất nguồn gốc TP, kiểm tra CSSXCBKD ít nhất 1 năm/lần và có BB



Scanned with
CS CamScanner

Scanned with
CS CamScanner

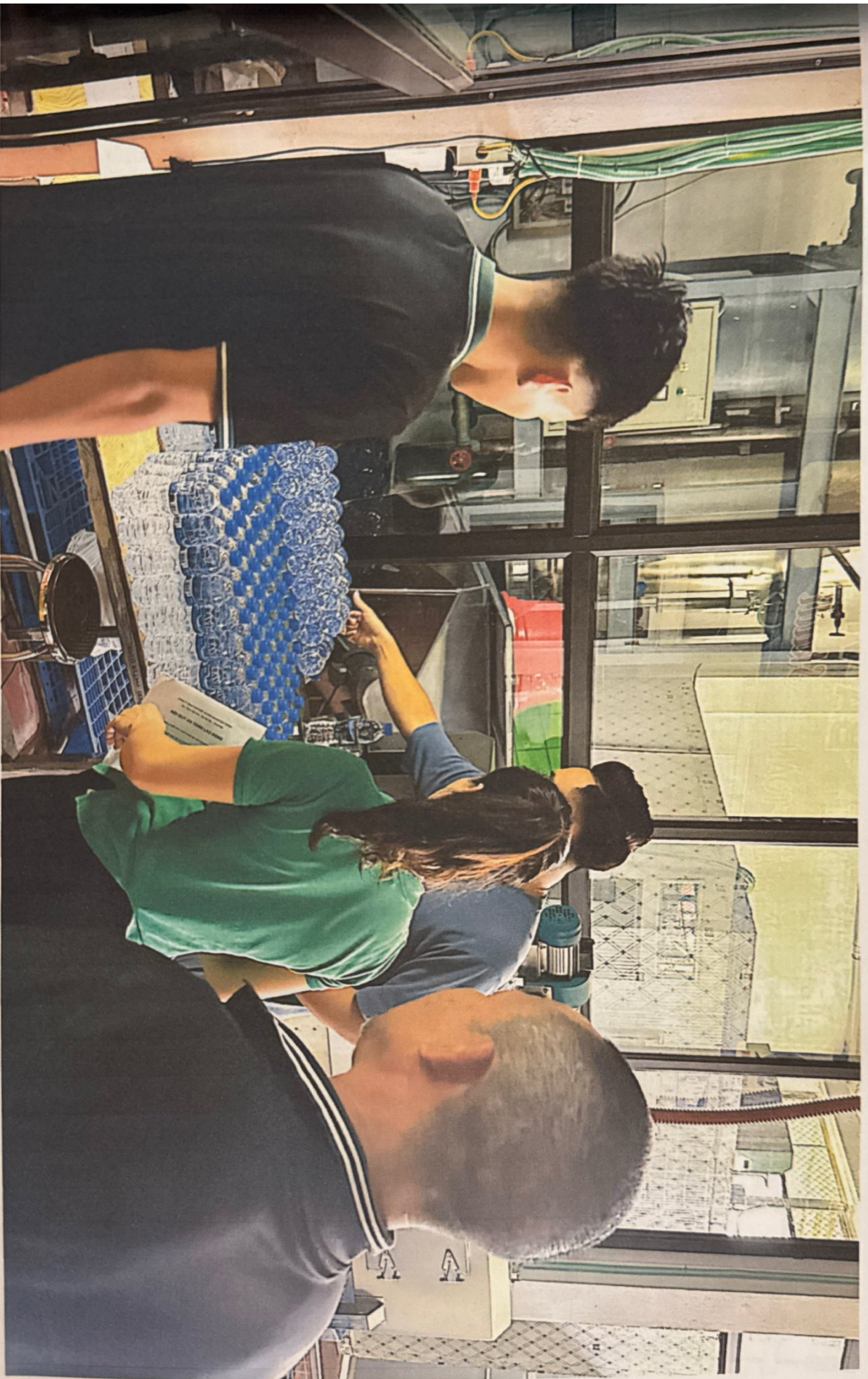












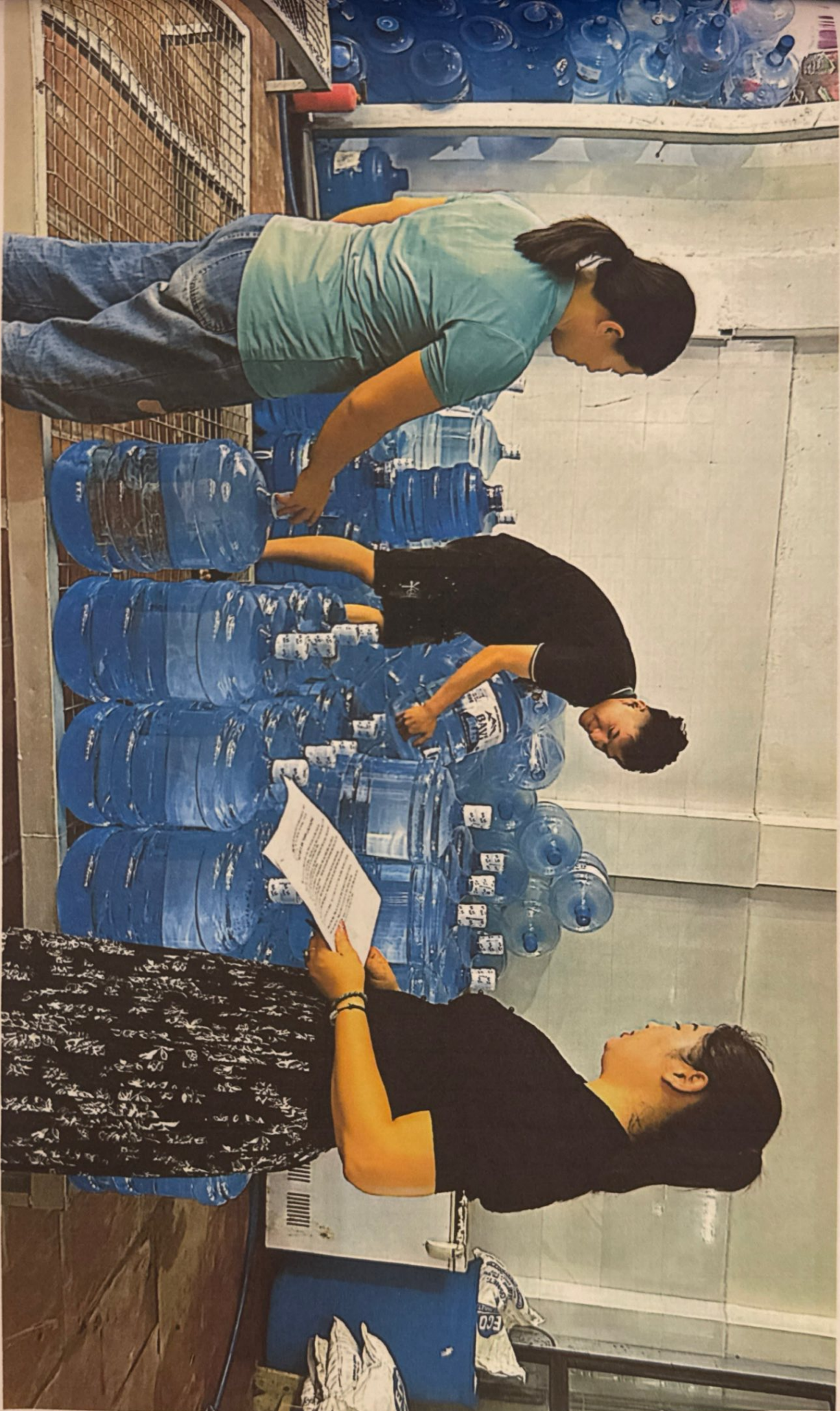














BỘ CÔNG AN

CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

SỔ TAY HƯỚNG DẪN
KỸ NĂNG XỬ LÝ
MỘT SỐ TÌNH HUỐNG
SỰ CỐ, TAI NẠN



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH



1 1 4

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

số: 01 /HĐNT/2025 DT

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015

- Căn cứ vào luật thương mại số 36/2005/QH 11 được quốc hội của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 3 tháng 01 năm 2025. Hai bên chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên bán) : HỢP TÁC XÃ SONG LONG

Địa chỉ : Căn hộ số 9, số nhà 31 Phố Nguyễn Thiệp, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện Thoại : 0243.8730.760

Fax: 0243.8733.565

Số tài khoản : 114 00000 2398 tại Vietinbank CN Chương Dương, Long Biên, Hà Nội

Mã số thuế : 0100234812

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Anh Châm

Chức Vụ: Giám đốc

BÊN B: (Bên mua):) : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH

Địa chỉ : Thôn Việt Hòa, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành Phố Hà Nội

Mã số thuế : 0110 445 918

Điện thoại : 0982 383 288

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Khuyên

Chức vụ : Giám đốc

Hai bên cùng nhau thỏa thuận trao đổi và đi đến thống nhất ký hợp đồng nguyên tắc với nội dung sau:

ĐIỀU I: Nội dung hợp đồng:

Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua sản phẩm chai 0.5L, chai 0.35L theo khuôn mẫu của bên B do Hợp Tác Xã Song Long sản xuất

ĐIỀU II: Quy cách, Chất lượng

Hàng mới 100%.

Mẫu mã do hai bên thống nhất.

Hàng đủ tiêu chuẩn của nhà sản xuất đã đăng ký .

ĐIỀU III. Thời gian và địa điểm giao hàng:

Do đặc điểm mặt hàng chai có nhiều chủng loại và mặt hàng khác nhau, vì vậy trước mỗi lần nhận hàng bên B phải báo trước 07 ngày cho bên A bằng điện thoại trực tiếp hoặc Fax đơn đặt hàng về nhu cầu của từng mặt hàng, số lượng và thống nhất giá cả để bên A chuẩn bị hàng cho bên B.

Thời gian giao hàng, được giao làm nhiều lần theo đơn đặt hàng của bên B kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 31/12/2025. Giao hàng tại kho của bên A. Chi phí bốc xếp mỗi bên chịu một đầu

ĐIỀU IV. Điều khoản thanh toán:

Bên A có trách nhiệm giao đầy đủ số lượng hàng theo đúng đơn đặt hàng và cung cấp hóa đơn GTGT do Bộ Tài Chính quy định.

Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A trước khi nhận hàng. Số tiền căn cứ theo giá trị của đơn hàng mà bên B đã đặt với bên A.

Bên B thanh toán tiền hàng cho bên A bằng tiền mặt, chuyển khoản.

ĐIỀU V: Quyền và trách nhiệm của mỗi bên

Quyền và trách nhiệm của bên A

Cung cấp đầy đủ mặt hàng, số lượng, chất lượng cho từng đợt giao hàng theo thời gian hai bên đã thỏa thuận.

Cung cấp đầy đủ chứng từ hóa đơn bán hàng cho bên B

Đổi lại sản phẩm do lỗi của nhà sản xuất cho bên B

Quyền và trách nhiệm của bên B

Chỉ được trả lại hàng với lý do: Hàng hỏng do lỗi nhà sản xuất (trả ngay tại thời điểm giao nhận hàng. Sau khi bên B đã nhận hàng thì bên B không được phép trả lại hàng. Trừ trường hợp ngoại lệ khác phải có xác nhận bằng văn bản của hai bên)

Thanh toán nhanh, đúng, đủ tiền hàng cho bên A theo điều IV của hợp đồng.

ĐIỀU VI: Cam kết chung:

Hai bên cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh hai bên cùng nhau phối hợp giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu những tranh chấp xảy ra mà hai bên không tự giải quyết được thì đưa ra tòa án kinh tế và tuân thủ theo quyết định của tòa án kinh tế Hà Nội


Mọi sửa đổi bổ sung liên quan đến hợp đồng đều phải lập thành biên bản có xác nhận của hai bên.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Sau khi thanh toán và giao hàng xong, hai bên không còn thắc mắc thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Anh Châm

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Khuyên

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

số: 01 /HĐNT/2026 DT

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015

- Căn cứ vào luật thương mại số 36/2005/QH 11 được quốc hội của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 3 tháng 01 năm 2026. Hai bên chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên bán) : HỢP TÁC XÃ SONG LONG

Địa chỉ : Căn hộ số 9, số nhà 31 Phố Nguyễn Thiệp, Phường Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện Thoại : 0243.8730.760

Fax: 0243.8733.565

Số tài khoản : 114 00000 2398 tại Vietinbank CN Chương Dương, Long Biên, Hà Nội

Mã số thuế : 0100234812

Đại diện : Bà Nguyễn Minh Trang

Chức Vụ: Phó giám đốc

BÊN B: (Bên mua):) : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DUY THÀNH

Địa chỉ : Thôn Việt Hòa, Xã Yên, Hà Nội

Mã số thuế : 0110 445 918

Điện thoại : 0916 253 399

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Khuyên

Chức vụ : Giám đốc



Hai bên cùng nhau thỏa thuận trao đổi và đi đến thống nhất ký hợp đồng nguyên tắc với nội dung sau:

ĐIỀU I: Nội dung hợp đồng:

Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua sản phẩm chai 0.5L, chai 0.35L theo khuôn mẫu của bên B do Hợp Tác Xã Song Long sản xuất

ĐIỀU II: Quy cách, Chất lượng

Hàng mới 100%.

Mẫu mã do hai bên thống nhất.

Hàng đủ tiêu chuẩn của nhà sản xuất đã đăng ký .

ĐIỀU III. Thời gian và địa điểm giao hàng:

Do đặc điểm mặt hàng chai có nhiều chủng loại và mặt hàng khác nhau, vì vậy trước mỗi lần nhận hàng bên B phải báo trước 07 ngày cho bên A bằng điện thoại trực tiếp hoặc Fax đơn đặt hàng về nhu cầu của từng mặt hàng, số lượng và thống nhất giá cả để bên A chuẩn bị hàng cho bên B.

Thời gian giao hàng, được giao làm nhiều lần theo đơn đặt hàng của bên B kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 31/12/2026. Giao hàng tại kho của bên A. Chi phí bốc xếp mỗi bên chịu một đầu

ĐIỀU IV. Điều khoản thanh toán:

Bên A có trách nhiệm giao đầy đủ số lượng hàng theo đúng đơn đặt hàng và cung cấp hóa đơn GTGT do Bộ Tài Chính quy định.

Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A trước khi nhận hàng. Số tiền căn cứ theo giá trị của đơn hàng mà bên B đã đặt với bên A.

Bên B thanh toán tiền hàng cho bên A bằng tiền mặt, chuyển khoản.

ĐIỀU V: Quyền và trách nhiệm của mỗi bên

Quyền và trách nhiệm của bên A

Cung cấp đầy đủ mặt hàng, số lượng, chất lượng cho từng đợt giao hàng theo thời gian hai bên đã thỏa thuận.

Cung cấp đầy đủ chứng từ hóa đơn bán hàng cho bên B

Đòi lại sản phẩm do lỗi của nhà sản xuất cho bên B

Quyền và trách nhiệm của bên B

Chỉ được trả lại hàng với lý do: Hàng hỏng do lỗi nhà sản xuất (trả ngay tại thời điểm giao nhận hàng. Sau khi bên B đã nhận hàng thì bên B không được phép trả lại hàng. Trừ trường hợp ngoại lệ khác phải có xác nhận bằng văn bản của hai bên)

Thanh toán nhanh, đúng, đủ tiền hàng cho bên A theo điều IV của hợp đồng.


ĐIỀU VI: Cam kết chung:

Hai bên cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh hai bên cùng nhau phối hợp giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu những tranh chấp xảy ra mà hai bên không tự giải quyết được thì đưa ra tòa án kinh tế và tuân thủ theo quyết định của tòa án kinh tế Hà Nội

Mọi sửa đổi bổ sung liên quan đến hợp đồng đều phải lập thành biên bản có xác nhận của hai bên.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Sau khi thanh toán và giao hàng xong, hai bên không còn thắc mắc thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý .

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Trang

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Khuyên

12-H.T.X
:A
:G
P. HÀ NỘI

Số: 03/BB-KT

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

BIÊN BẢN

Kiểm tra an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước đá dùng liền

Thực hiện số 214/QĐ-CCATVSTP ngày 29/09/2025 của Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội về việc kiểm tra ATTP tại các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước đá dùng liền trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Hôm nay vào hồi 8 giờ 30 ngày 03 tháng 10 năm 2025, tại Thôn Việt Hoà, xã Vân Hoà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội (nay là xã Yên Bài, thành phố Hà Nội). Đoàn kiểm tra số 02 theo Quyết định số 214/QĐ-CCATVSTP của Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội tiến hành kiểm tra đối với: **Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Duy Thành**

I. Thành phần Đoàn kiểm tra

- | | |
|--------------------------|---------------------------------------|
| 1. Ông Vũ Đức Cường | Chức vụ: Trưởng đoàn |
| 2. Bà Dương Thị Ngọc Lan | Chức vụ: Thư ký |
| 3. Bà Nguyễn Thị Hạnh | Chức vụ: Thành viên |
| 4. Ông Nguyễn Danh Cường | Chức vụ: TP VHXX xã Yên Bài- tham gia |
| 5. Bà Nguyễn Thị Nhàn | Chức vụ: TYT xã Yên Bài- tham gia |

II. Đại diện cơ sở được kiểm tra

- | | |
|-------------------------|---------------------------------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Khuyên | Chức vụ: Giám đốc. ĐT: 0916253399 |
| 2. Ông Lê Mạnh Duy | Chức vụ: Phó Giám đốc. ĐT: 0982383278 |

III. Công bố Quyết định kiểm tra: Trưởng đoàn kiểm tra công bố Quyết định số 214/QĐ-CCATVSTP ngày 29/09/2025 của Chi cục trưởng Chi cục ATVSTP và phổ biến tóm tắt mục đích, yêu cầu, nội dung kế hoạch kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của đoàn, quyền và nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra; phổ biến hướng dẫn cơ sở về các nội dung có liên quan phục vụ hoạt động kiểm tra.

IV. Nội dung và kết quả kiểm tra:

1. Hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0110445918. Nơi cấp Phòng đăng ký kinh doanh - Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/08/2023.
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 1485/2023/ATTP-CNĐK do Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội cấp ngày 20/11/2023
- Loại hình sản xuất: Nước uống đóng chai và nước đá dùng liền
- Số người lao động: 08 Trong đó: Trực tiếp: 06 Gián tiếp: 02
- Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: 08/08
- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và nhân viên tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm 08/08 người (còn hiệu lực)

2. Công bố sản phẩm:

- Tổng số sản phẩm cơ sở đang sản xuất, kinh doanh: 02
- Số sản phẩm có bản tự công bố: 02
- Số sản phẩm không có bản tự công bố: 02
- Các nội dung khác: Công ty xuất trình bản tự công bố cho Nước uống đóng chai BAVI SKADI và Nước đá dùng liền BAVI SKADI

3. Ghi nhãn sản phẩm:

- Số sản phẩm kiểm tra về ghi nhãn: 01 sản phẩm Nước uống đóng chai BAVI SKADI
- Đánh giá việc chấp hành của cơ sở: Nhãn mác sản phẩm của 01 sản phẩm nêu trên phù hợp với hồ sơ tự công bố.

4. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm: Tại thời điểm kiểm tra cơ sở đang hoạt động sản xuất nước uống đóng chai.

- Điều kiện cơ sở, trang thiết bị dụng cụ: Có địa điểm, diện tích thích hợp, cách xa nguồn ô nhiễm; Tường, trần, nền nhà khu vực sản xuất phẳng, nhẵn, sáng màu; Có 01 hệ thống lọc nước; Có 01 dây chuyền sản xuất nước uống đóng chai và 01 dây chuyền sản xuất nước đá dùng liền gồm 01 máy ra đá. Khu vực chiết rót nước uống đóng chai kín hóa, được trang bị đèn tia cực tím để diệt khuẩn không khí; Khay ra đá có nắp đậy kín; Có dụng cụ đánh rửa chai/bình.
- Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Có trang phục bảo hộ lao động, có ủng hoặc giày, dép để sử dụng riêng trong khu vực sản xuất thực phẩm; đã được xác nhận tập huấn kiến thức ATTP.
- Quy trình sản xuất, chế biến: Quy trình sản xuất thực phẩm được phân khu riêng biệt, bố trí theo nguyên tắc một chiều.



- Vận chuyển và bảo quản thực phẩm:
- + Khu vực bảo quản sản phẩm khô ráo, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh, có giá kệ kê cao sản phẩm;
- + Kho bảo quản nước đá dùng liền có giá kệ, đảm bảo nhiệt độ (trong kho bảo quản không có sản phẩm nước đá dùng liền)
- Nguồn nước sử dụng để sản xuất: dùng nước ngầm để sản xuất, xuất trình phiếu kết quả kiểm nghiệm số 59309/PKN-VKNQG do Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia cấp ngày 29/09/2025.
- Nguồn gốc, xuất xứ của bao bì chứa đựng thực phẩm: Cơ sở xuất trình giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ của bao bì chứa đựng thực phẩm (hợp đồng, hoá đơn)

5. Kiểm nghiệm sản phẩm: Cơ sở xuất trình

- + Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 59220/PKN-VKNQG do Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia cấp ngày 29/09/2025 cho sản phẩm Nước uống đóng chai BAVI SKADI.
- + Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 59219/PKN-VKNQG do Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia cấp ngày 29/09/2025. cho sản phẩm Nước đá dùng liền BAVI SKADI.

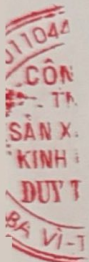
6. Quảng cáo sản phẩm: Cơ sở báo cáo không quảng cáo sản phẩm nước uống đóng chai, nước đá dùng liền dưới mọi hình thức. Cơ sở xin chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo nêu trên.

7. Lấy mẫu kiểm nghiệm: Đoàn kiểm tra lấy 01 mẫu nước uống đóng chai BAVI SKADI để kiểm nghiệm (có biên bản lấy mẫu kèm theo), thông báo cho cơ sở khi có kết quả kiểm nghiệm.

V. Nhận xét, kiến nghị và xử lý

1. Các nội dung cơ sở thực hiện tốt:

- Xuất trình giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (còn hiệu lực); Khám sức khoẻ và xác nhận tập huấn kiến thức ATTP của 08 người lao động; Bản tự công bố sản phẩm Nước uống đóng chai BAVI SKADI và Nước đá dùng liền BAVI SKADI; hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ của bao bì chứa đựng thực phẩm. Kết quả kiểm nghiệm mẫu nước dùng cho sản xuất và của mẫu thành phẩm. Nhãn mác sản phẩm phù hợp theo hồ sơ tự công bố
- Điều kiện vệ sinh thực tế: quy trình sản xuất theo nguyên tắc một chiều, khu vực chiết rót nước uống đóng chai kín hóa, được trang bị đèn tia cực tím để diệt khuẩn không khí, có đầy đủ trang thiết bị dụng cụ để sản xuất, nhân viên mang



mặt trang phục riêng, có giá kệ kê cao sản phẩm, có kho bảo quản nước đá dùng liền.

2. Những mặt còn tồn tại: không

3. Kiến nghị:

Đề nghị cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong sản xuất nước uống đóng chai và nước đá dùng liền

Mời Chủ cơ sở làm việc khi có thông báo kết quả kiểm nghiệm mẫu nước uống đóng chai.

(Phòng Kiểm tra giám sát- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội, địa chỉ: 35 Trần Bình, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội)

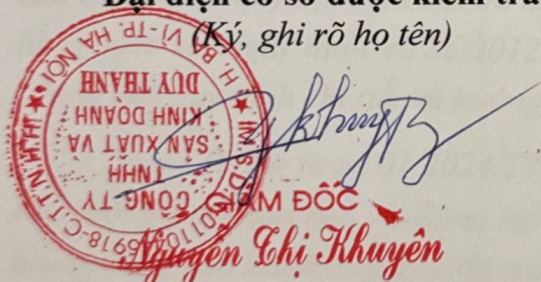
VI. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra

Công ty nhất trí với các nội dung kiểm tra. Công ty xin chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và giấy tờ đã cung cấp cho đoàn kiểm tra.

Biên bản kiểm tra được lập xong hồi 10 giờ 15 cùng ngày; biên bản đã được đọc lại cho những người tham gia kiểm tra và đại diện cơ sở được kiểm tra cùng nghe, công nhận nội dung ghi trong biên bản là đúng và ký tên. Biên bản được lập thành 03 bản có nội dung và có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho cơ sở được kiểm tra, 02 bản Đoàn kiểm tra lưu giữ./.

Đại diện cơ sở được kiểm tra

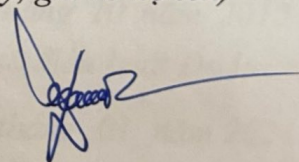
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Chi Huyền

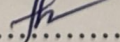
Trưởng đoàn kiểm tra

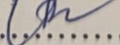
(Ký, ghi rõ họ tên)

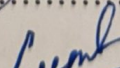


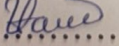
Vũ Đức Cường

Các thành viên tham gia kiểm tra

Dương Thị Ngọc Lan: 

Nguyễn Thị Hạnh: 

Đại diện P.VHXXH xã Yên Bài:  Nguyễn Danh Cường

Đại diện TYT xã Yên Bài:  Nguyễn Thị Hằng

Số: 693 /TB- CCATVSTP

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
Kết quả thử nghiệm mẫu

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội tại Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 15/04/2025;

Căn cứ vào biên bản lấy mẫu số 03/BBLM-ĐKT ngày 03/10/2025, biên bản mã hóa mẫu ngày 03/10/2025 và Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 62462/PKN-VKNQG ngày 17/10/2025 của Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia;

Theo đề nghị của Trưởng đoàn kiểm tra.



CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM HÀ NỘI THÔNG BÁO

I. Kết quả thử nghiệm mẫu:

Số kết quả Phiếu kiểm nghiệm	Tên mẫu, ký hiệu	Tên cơ sở và địa chỉ NSX/NK ghi trên nhãn	Thuộc lô hàng (Khối lượng, ngày sản xuất, số lô, nếu có)	Chỉ tiêu chất lượng
62462/PKN-VKNQG;	Nước uống đóng chai BAVI SKADI (Ký hiệu: "Nước uống đóng chai- Đ2-214- MS03")	Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Duy Thành, Địa chỉ: Thôn Việt Hoà, xã Vân Hoà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội (nay là xã Yên Bài, thành phố Hà Nội)	NSX: 03/10/2025 HSD: 12 tháng kể từ NSX Thể tích thực: 19 lít/chai	- Vi sinh: Coliforms; Escheria Coli; Fecal streptococci; Pseudomonas aeruginosa; TS bào tử kỵ khí khử sunphit; - Hóa học: Arsen; Cadmi; Crom; Chì; Mangan; Thủy ngân; Cyanid; Nickel; Selen; Nitrat; Nitrit.

Kết luận: Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (QCVN 6-1:2010/BYT) thì mẫu sản phẩm Nước uống đóng chai BAVI SKADI (NSX: 03/10/2025; HSD: 12 tháng kể từ NSX) có kết quả kiểm nghiệm đạt theo QCVN 6-1:2010/BYT đối với các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm.

II. Yêu cầu đối với Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Duy Thành:

Thực hiện các quy định của nhà nước về an toàn thực phẩm trong sản xuất nước uống đóng chai.

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội thông báo để công ty biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Duy Thành (để t/hiện)
- Đ/c Chi cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT, P. KTGS(LAN).



Nguyễn Quang Trung



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A103, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9393 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 62462/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Nước uống đóng chai - Đ2 - 214 - MS 03
2. Mã số mẫu: 1025271/QLNN.3
3. Mô tả mẫu: Mẫu được mã hóa, bên ngoài có tên mẫu viết bằng tay "Nước uống đóng chai - Đ2 - 214 - MS 03", mẫu gồm 01 chai 19 lít/phần mẫu.
Số lượng: 01 phần mẫu.
NSX: Thông tin đã được mã hóa - HSD: Thông tin đã được mã hóa.
4. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
5. Ngày lấy mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 06/10/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 06/10/2025 - 17/10/2025
8. Nơi gửi mẫu: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM HÀ NỘI - PHÒNG KIỂM TRA GIÁM SÁT
Địa chỉ: Số 35, Trần Bình, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản giao nhận mẫu ngày 06/10/2025 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội - Phòng Kiểm tra giám sát
10. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 6-1:2010/BYT
10.1 ^(a)	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	Vi khuẩn/ 50mL	TCVN 6191-2:1996	KPH (LOD: 1)	Đạt
10.2 ^(a)	Coliform tổng số	Vi khuẩn/ 250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)	Đạt
10.3 ^(a)	<i>E. coli</i>	Vi khuẩn/ 250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)	Đạt
10.4 ^(a)	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	Vi khuẩn/ 250mL	TCVN 8881:2011	KPH (LOD: 1)	Đạt
10.5 ^(a)	<i>Streptococci faecal</i>	Vi khuẩn/ 250mL	TCVN 6189-2:2009	KPH (LOD: 1)	Đạt
10.6 ^(a)	Hàm lượng Cyanid	mg/L	NIFC.04.M.068 (2023) (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	KPH (LOD: 0,02)	Đạt
10.7 ^(a)	Hàm lượng Arsen	mg/L	NIFC.03.M.66 (2023) (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
10.8 ^(a)	Hàm lượng Cadmi	mg/L	NIFC.03.M.66 (2023) (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
10.9 ^(a)	Hàm lượng Chi	mg/L	NIFC.03.M.66 (2023) (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,0014	Đạt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/
This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng Đ Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thành Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 083 929 9593 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 6-1:2010/BYT
10.10 ^(a)	Hàm lượng Crom	mg/L	NIFC.03.M.66 (2023) (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,0003)	Đạt
10.11 ^(a)	Hàm lượng Mangan	mg/L	NIFC.03.M.66 (2023) (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	< LOQ (LOQ: 0,001)	Đạt
10.12 ^(a)	Hàm lượng Nickel	mg/L	NIFC.03.M.66 (2023) (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	0,0006	Đạt
10.13 ^(a)	Hàm lượng Nitrat, tính theo ion nitrat	mg/L	NIFC.03.M.22 (2023)	7,96	Đạt
10.14 ^(a)	Hàm lượng Nitrit, tính theo ion nitrit	mg/L	NIFC.03.M.27 (2023)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
10.15 ^(a)	Hàm lượng Selen	mg/L	NIFC.03.M.66 (2023) (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
10.16 ^(a)	Hàm lượng Thủy ngân	mg/L	NIFC.03.M.66 (2023) (Ref. SMEWW 3125 B:2023)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt

*Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
 KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD);
 (a) - Chỉ tiêu được chỉ định bởi cơ quan quản lý.*

11. Kết luận: Mẫu đạt các chỉ tiêu 10.1 - 10.16 theo QCVN 6-1:2010/BYT.

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2025

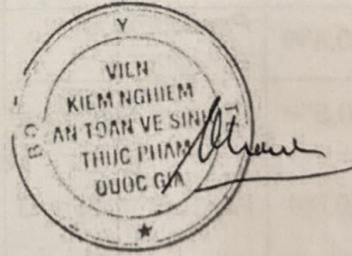
KIỂM NGHIỆM VIÊN

PHỤ TRÁCH CƠ SỞ
KIỂM NGHIỆM

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Trần Thị Sao Mai

TS. Nguyễn Thành Trung



ThS. Cao Công Khánh

ThS. Vũ Thị Nhật Lệ

ThS. Đinh Viết Chiến

ThS. Bùi Cao Tiến

ThS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/
 This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
 4. (*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.